



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM TIN HỌC

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

2

Tháng 1 - 2008

HỘI NGHỊ KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC NĂM 2007 VÀ BÀN BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2008 NGÀNH XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2008



Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đến dự và phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị



Đ/c Nguyễn Hồng Quân - Ủy viên TƯ Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG

MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM TIN HỌC PHÁT HÀNH

NĂM THỨ CHÍN

2

SỐ 2 - 1/2008



TRUNG TÂM TIN HỌC

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Giới thiệu Nghị định 174/2007/NĐ-CP “Về phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn” 5
- Giới thiệu Thông tư số 01/2008/TT-BXD Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. 6
- Giới thiệu Thông tư số 02/2008/TT-BXD hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010. 7
- Giới thiệu Quyết định số 29/2007/QĐ-BXD ban hành Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản. 9
- Giới thiệu Thông tư số 149/2007/TT-BTC Hướng dẫn quản lý và sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho các hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình quản lý các dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao. 10

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS. HUỖNH PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG

CN. HOÀNG ĐẠI HẢI

CN. TRẦN HỒNG NHUNG

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Văn bản của địa phương

- Giới thiệu Quyết định số 123/2007/QĐ -UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc thu lệ phí cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. 12

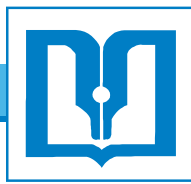
Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu, biên soạn quy định quản lý quy hoạch xây dựng theo đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết Mã số RD 14-05 13
- Nghiệm thu đề tài: Định hướng và giải pháp bảo tồn kiến trúc các làng truyền thống ở Bắc Bộ - (Nghiên cứu thí điểm làng cổ Đường Lâm - Hà Tây) 15
- Thăm dò địa chất đường hầm bằng địa chấn TSP 17

Thông tin

- Hội nghị Tổng kết công tác năm 2007 và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2008 Ngành Xây dựng 18
- Ghi nhận tại Hội thảo “Tai nạn thương tích trẻ em trong hoạt động xây dựng, thực trạng và giải pháp” 22
- Hội thảo truyền hình công nghệ xử lý nước thải của Israel 25
- Bước tiến trong phương pháp xây dựng Hệ thống Quy chuẩn và Tiêu chuẩn xây dựng & những tồn tại cần khắc phục của các quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng có liên quan đến chiếu sáng công cộng 26
- Sự cần thiết phải có sự điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống phát triển đô thị ở Việt Nam
- Ảnh hưởng của giá đất đối với giá nhà đất Trung Quốc 33
- Một số vấn đề cần chú ý khi quy hoạch giao thông khu nhà ở 36

Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet 38



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Giới thiệu Nghị định 174/2007/NĐ-CP

“Về phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn”

Ngày 29/11/2007, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 174/2007/NĐ-CP “về phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn”.

Nghị định này gồm 3 Chương với 14 Điều quy định về phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn; mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn.

Chất thải rắn quy định tại nghị định này là chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại được thải ra từ quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác (trừ chất thải rắn thông thường phát thải trong sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình).

Việc xác định và phân loại chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại căn cứ theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của chính phủ về quản lý chất thải rắn.

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn được quy định như sau:

- Đối với chất thải rắn thông thường phát thải từ hoạt động của cơ quan, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, cơ sở sản xuất công nghiệp, làng nghề: không quá 40.000 đồng/tấn.

- Đối với chất thải rắn nguy hại: không quá 6.000.000 đồng/ tấn.

Đối tượng nộp phí có nghĩa vụ nộp đủ, đúng hạn số tiền phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn cùng với phí vệ sinh cho đơn vị thu phí vệ sinh.

Định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý, đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước, sau khi đã trừ đi một phần số phí thu được cho cơ

quan, đơn vị trực tiếp thu phí để trang trải chi phí cho việc thu phí theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí.

Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn dùng cho các công tác sau: Chi phí cho việc xử lý chất thải rắn đảm bảo tiêu chuẩn môi trường như: đốt, khử khuẩn, trung hoá, trơ hoá, chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh, đảm bảo có sự kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường phát sinh trong quá trình xử lý chất thải; Chi phí hỗ trợ cho việc phân loại chất thải rắn, bao gồm cả hoạt động tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc phân loại chất thải rắn nguy hại tại nguồn; Chi phí hỗ trợ đầu tư xây dựng các bãi chôn lấp, công trình xử lý chất thải rắn, sử dụng công nghệ tái chế, tái sử dụng, xử lý và tiêu huỷ chất thải rắn.

Cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, quyết toán việc thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn của đơn vị thu phí. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc quản lý, sử dụng tiền phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn cho phù hợp.

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

(Xem toàn văn tại www.vietnam.gov.vn)

**Giới thiệu Thông tư số 01/2008/TT-BXD
Hướng dẫn thực hiện một số nội dung
của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP
ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất,
cung cấp và tiêu thụ nước sạch**

Ngày 02/01/2008 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 01/2008/TT-BXD Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Thông tư hướng dẫn những nội dung chính về chất lượng nước sạch, quy trình tham gia ý kiến và giám sát của cộng đồng, quy hoạch cấp nước, lựa chọn đơn vị cấp nước, xác định vùng phục vụ cấp nước và ký kết thoả thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, đấu nối, hợp đồng dịch vụ cấp nước, kiểm định thiết bị đo đếm nước và các vấn đề liên quan khác của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Chất lượng nước sạch thực hiện theo quy định tại Khoản 1, điều 4 của Nghị định 117/2007/NĐ-CP. Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt phải bảo đảm theo quy chuẩn vệ sinh nước ăn uống do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành. Nước sạch phải bảo đảm chất lượng theo quy định trên toàn hệ thống từ sau công trình xử lý đến người trực tiếp sử dụng. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm kiểm tra và bảo đảm chất lượng nước sạch trên hệ thống cấp nước do mình quản lý. Khi có sự cố hoặc khiếu nại của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước sạch được cung cấp, đơn vị cấp nước có trách nhiệm kiểm tra hệ thống cấp nước do mình quản lý hoặc hệ thống đường

ống, thiết bị sau điểm đấu nối của khách hàng sử dụng nước để xác định nguyên nhân và có phương án khắc phục sự cố. Việc tổ chức khắc phục sự cố sau điểm đấu nối do khách hàng sử dụng nước thực hiện.

Vấn đề tham gia ý kiến và giám sát của cộng đồng trong hoạt động cấp nước không những liên quan đến đời sống, sức khoẻ của cả cộng đồng, nâng cao nhận thức về sử dụng tiết kiệm nước, nghĩa vụ chi trả, bảo vệ công trình cấp nước, mà còn bảo đảm quyền làm chủ của người dân trong việc kiểm tra giám sát hoạt động cấp nước, góp phần nâng cao tính khả thi của các chương trình, dự án phát triển cấp nước, phát huy hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững. Hình thức tham gia ý kiến của cộng đồng thông qua phiếu điều tra, họp tổ dân phố, thông qua các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, nghề nghiệp như hội phụ nữ, hội người tiêu dùng, mặt trận tổ quốc, hình thức đơn thư, góp ý trực tiếp... Nội dung giám sát của cộng đồng bao gồm giám sát việc thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt, thoả thuận thực hiện dịch vụ cấp nước đã được ký kết, giám sát quá trình triển khai thực hiện các dự án cấp nước. Giám sát về chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch bao gồm: Chất lượng nước sạch, áp lực nước, lưu lượng cấp nước, tính liên tục cấp nước, thái độ phục vụ khách hàng.

Hợp đồng dịch vụ cấp nước là một trong

những nội dung quan trọng của Nghị định 117/2007/NĐ-CP. Hợp đồng dịch vụ cấp nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị cấp nước với khách hàng sử dụng nước và tuân thủ các quy định từ Điều 44 đến Điều 50 của Nghị định 117/2007/NĐ-CP. Hợp đồng dịch vụ cấp nước được chia làm 02 loại: Hợp đồng dịch vụ cấp nước bán lẻ, Hợp đồng dịch vụ cấp nước bán buôn. Nội dung hợp đồng dịch vụ cấp nước bán lẻ phải thể hiện được những thông tin cơ bản về khách hàng về đầu nối để xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng, thuận lợi cho việc quản lý; quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của hai bên tham gia hợp đồng; các điều kiện chất lượng dịch vụ, giá nước sạch, phương thức thanh toán; những quy định của pháp luật về cấp nước có liên quan đến đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước. Mẫu hợp đồng dịch vụ cấp nước bán lẻ theo Phụ lục 2 của Thông tư này. Căn cứ điều kiện thực tế, đơn vị cấp

nước xây dựng mẫu hợp đồng dịch vụ phù hợp để áp dụng trên địa bàn. Hợp đồng dịch vụ cấp nước bán buôn được ký kết giữa đơn vị cấp nước bán buôn và đơn vị cấp nước bán lẻ. Nội dung hợp đồng dịch vụ cấp nước bán buôn phải thể hiện được quyền và nghĩa vụ các bên tham gia ký kết hợp đồng; các điều kiện chất lượng dịch vụ, giá nước sạch bán buôn, phương thức thanh toán; các quy định để bảo đảm sự ổn định, an toàn cấp nước và chất lượng nước sạch cung cấp. Trên cơ sở mẫu hợp đồng dịch vụ cấp nước bán buôn tại Phụ lục 3 của Thông tư này, căn cứ điều kiện thực tế, đơn vị cấp nước bán buôn và đơn vị cấp nước bán lẻ thương thảo cụ thể để áp dụng...

Thông tư này áp dụng thống nhất trong cả nước và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Thông tư số 02/2008/TT-BXD hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010

Ngày 02/01/2008 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 02/2008/TT-BXD hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc

biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010.

Thông tư này hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư bằng các nguồn vốn

thuộc Chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010 (gọi tắt là Chương trình 135 giai đoạn II) và áp dụng cho các công trình xây dựng chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình có tổng mức đầu tư dưới 7 tỷ đồng. Không áp dụng các quy định tại Thông tư này cho các công trình xây dựng khác.

Chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng của Chương trình 135 giai đoạn II được xác định bằng dự toán xây dựng công trình theo thiết kế bản vẽ thi công trong Báo cáo kinh tế được duyệt. Dự toán xây dựng công trình bao gồm chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí Ban quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng của công trình. Việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định hiện hành chung của Nhà nước. Chi phí xây dựng trong dự toán xây dựng công trình được lập cho các công trình chính, công trình phụ trợ, công trình tạm phục vụ thi công hoặc bộ phận, phần việc, công tác của công trình, hạng mục công trình và được xác định bằng dự toán.

Những chương trình dự án khác ngoài Chương trình 135 nếu lồng ghép vốn với Chương trình 135 có tỷ lệ góp vốn < 50% tổng mức đầu tư và cùng tham gia xây dựng một công trình được áp dụng Thông tư này. Trường hợp tỷ lệ góp vốn \geq 50% tổng mức đầu tư thì việc áp dụng Thông tư này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ hướng dẫn tại Thông tư này và các văn bản khác có

liên quan để tổ chức, hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; đồng thời hướng dẫn và quy định việc áp dụng suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, đơn giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng của các dự án thuộc Chương trình 135 do địa phương quản lý.

Việc chuyển tiếp thực hiện theo Điều 36 Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Trường hợp thấy cần thiết thực hiện các quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thuộc Chương trình 135 bao gồm: tổng mức đầu tư; dự toán xây dựng công trình; định mức và đơn giá xây dựng; hợp đồng trong hoạt động xây dựng; thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo các quy định tại Nghị định 99/2007/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn Nghị định, thì người quyết định đầu tư xem xét, quyết định nhằm đẩy nhanh tiến độ, giảm thiểu các thủ tục hành chính không cần thiết nhưng phải đảm bảo không vì thực hiện các quy định này mà làm giảm hiệu quả việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 01/2006/TT-BXD ngày 17/5/2006 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình phát triển kinh tế-xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 29/2007/QĐ-BXD ban hành Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản

Ngày 31/12/2007 Bộ Xây dựng đã ký Quyết định số 29/2007/QĐ-BXD ban hành Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản.

Các cơ sở đào tạo căn cứ vào Chương trình khung ban hành kèm theo Quyết định này để biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới, định giá bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản.

Các cơ sở đào tạo được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản phải có đủ điều kiện như : Có chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung do Bộ Xây dựng ban hành; Có đội ngũ giảng viên có trình độ và kinh nghiệm theo quy định tại Điều 12 của Nghị định 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản và đáp ứng yêu cầu của các chuyên đề giảng dạy. Đối với doanh nghiệp phải có đăng ký kinh doanh về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn. Đối với các tổ chức khác phải được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thành lập và giao chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn.

Trước khi tiến hành đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá

bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản, các cơ sở đào tạo gửi về Bộ Xây dựng 1 bộ hồ sơ để kiểm tra, đưa lên Website của Bộ Xây dựng hoặc công nhận bằng văn bản và thông báo tới các địa phương. Hồ sơ bao gồm: tài liệu pháp lý như tên, địa chỉ liên hệ, người đại diện theo pháp luật; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập và giao chức năng, nhiệm vụ đối với các tổ chức khác; 01 bộ chương trình, giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy được biên soạn phù hợp với Chương trình khung do Bộ Xây dựng ban hành, danh sách đội ngũ giảng viên.

Cơ sở đào tạo được chủ động tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản nhưng phải thực hiện các nghĩa vụ sau: Khi tổ chức đào tạo phải thông báo bằng văn bản tới Sở Xây dựng địa phương, nơi tổ chức đào tạo; Xây dựng Quy chế đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản, định giá bất động sản và quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản, bảo đảm quản lý chặt chẽ về thời gian và nội dung chương trình, tuân thủ Chương trình khung do Bộ Xây dựng ban hành, Nghị định 153/2007/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan...

Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về môi giới bất động sản bao gồm

3 phần: Kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn và thực hành kiểm tra cuối khoá.

Kiến thức cơ sở bao gồm các chuyên đề và nội dung như: Pháp luật về kinh doanh bất động sản, thị trường bất động sản, đầu tư kinh doanh bất động sản.

Kiến thức chuyên môn về môi giới bất động sản bao gồm các chuyên đề và nội dung như: Tổng quan về dịch vụ môi giới bất động sản, quy trình và kỹ năng môi giới bất động sản.

Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về định giá bất động sản bao gồm các nội dung: Tổng quan về dịch vụ

định giá bất động sản, quy trình và phương pháp định giá bất động sản, định giá bất động sản.

Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản gồm các nội dung về tổ chức và quản lý sàn giao dịch bất động sản, quy trình và kỹ năng môi giới...

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

(Nguồn: Quyết định số 29/2007/QĐ-BXD)

Giới thiệu Thông tư số 149/2007/TT-BTC Hướng dẫn quản lý và sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho các hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình quản lý các dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao

Ngày 14/12/2007 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 149/2007/TT-BTC hướng dẫn quản lý và sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho các hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình quản lý các dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (gọi tắt là BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (gọi tắt là BTO), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (gọi tắt là BT).

Thông tư hướng dẫn cụ thể việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình triển khai các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BTO, BT được quy định tại Nghị định số 78/2007/NĐ-CP ngày 11/5/2007 của Chính phủ.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các cơ quan trực thuộc của các cơ quan này được uỷ quyền ký kết Hợp đồng dự án.

Thông tư quy định cụ thể các vấn đề chính như: Nội dung các công việc của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình quản lý thực hiện các dự án đầu tư BOT, BTO, BT và để thực hiện các nghĩa vụ khác (lập và công bố Danh mục dự án, lập đề xuất dự án và hồ sơ mời thầu lựa chọn Nhà đầu tư, thực hiện công tác đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư, đàm phán Hợp đồng dự án...); Lập và phê duyệt dự toán chi cho các hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền với các vấn đề như: Căn cứ lập dự toán, Các nội dung chi cho hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Mức chi cho các công tác trên (chi phí lập và công bố Danh mục dự án, chi phí thuê tư vấn lập đề xuất dự án và hồ sơ mời thầu lựa chọn Nhà đầu tư, chi cho công tác tổ chức đấu thầu, chi phí giám định chất lượng công trình, chi hành chính sự nghiệp...); Thanh toán; Kiểm tra và quyết toán; Trách nhiệm của các cơ quan liên quan như các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, trách nhiệm của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan thanh toán.

Các Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm bố trí dự toán ngân sách hàng năm đảm bảo cho chi phí hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ được giao. Phê duyệt dự toán, tổng hợp báo cáo quyết toán hàng năm của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi cơ quan tài chính đồng cấp.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm lập, quản lý dự toán và quyết toán chi phí phục vụ cho các hoạt động thuộc trách nhiệm của Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý, thực hiện các dự án BOT, BTO, BT đúng qui định và phù hợp với yêu cầu về nhiệm vụ quản lý. Chấp hành đầy đủ các nội dung, quy định về quản lý tài chính các khoản chi phục vụ hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối chiếu với cơ quan thanh toán về số vốn đã được thanh toán. Chịu trách nhiệm quyết toán chi phí phục vụ các hoạt động của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

Cơ quan thanh toán có trách nhiệm kiểm soát cấp phát, thanh toán chi phí phục vụ cho các hoạt động thuộc trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện quản lý các dự án BOT, BTO, BT theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với các dự án BOT, BTO và BT đang triển khai chưa chấm dứt Hợp đồng dự án, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào qui định của Thông tư này và tình hình thực tế triển khai của dự án để lập và thực hiện dự toán theo các công việc còn phải thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

(Xem toàn văn tại www.vietnam.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Giới thiệu Quyết định số 123/2007/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc thu lệ phí cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 22/10/2007 Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 123/2007/QĐ-UBND về việc thu lệ phí cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định trên Chủ đầu tư các công trình xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa lớn, trùng tu, tôn tạo khi được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

Mức thu lệ phí gồm 3 nội dung sau: Nhà ở riêng lẻ của nhân dân thuộc đối tượng phải có giấy phép với mức 50.000 đ/giấy phép; Công trình khác: 100.000 đ/giấy phép; Mức thu gia hạn giấy phép xây dựng là 10.000 đ/giấy phép.

Sở Xây dựng thu lệ phí đối với những trường hợp thuộc Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Ủy ban nhân dân Quận, Huyện, Xã thu đối với những trường hợp do UBND Quận, Huyện, Xã cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền phân cấp của UBND Thành phố.

Đơn vị thu lệ phí có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu lệ phí về tên lệ phí, mức thu lệ phí, phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu tiền lệ phí phải cấp chứng từ thu lệ phí cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định.

Việc quản lý, sử dụng tiền lệ phí thu được theo quy định sau: Nộp Ngân sách Nhà nước 90% và để lại 10% trên tổng số lệ phí thu được. Số tiền lệ phí được để lại phải quản lý và sử dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính.

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.hanoi.gov.vn)



Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu, biên soạn quy định quản lý quy hoạch xây dựng theo đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết

Mã số RD 14-05

Ngày 25/10/2007 Hội đồng Khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp để nghiệm thu các kết quả của đề tài: “Nghiên cứu, biên soạn quy định quản lý quy hoạch xây dựng theo đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết” - Mã số RD 14-05. Đề tài do Vụ Quản lý Quy hoạch - Kiến trúc Bộ Xây dựng thực hiện.

Cùng với những thành tựu phát triển nhanh chóng về kinh tế - xã hội, công tác quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch đã đạt được những thành tựu đáng kể, tạo tiền đề thúc đẩy quá trình CNH, HĐH đất nước. Các đô thị cũ đã được cải tạo, phát triển chỉnh trang, đàng hoàng hơn, to đẹp hơn, nhiều đô thị mới, khu đô thị mới đã được xây dựng mang vóc dáng của đô thị hiện đại.

Đặc biệt từ khi Luật Xây dựng và Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng, Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19/8/2005 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng được ban hành, công tác lập quy hoạch đã được bổ sung những nội dung yêu cầu phù hợp với thực tế phát triển của các đô thị trong cả nước; áp dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, kinh nghiệm của các nước tiên tiến, cập nhật các nội dung lý thuyết mới về công tác thiết kế quy hoạch. Công tác thẩm định, phê duyệt và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt đã được phân cấp mạnh mẽ

cho chính quyền các địa phương để địa phương có thể chủ động trong việc định hướng, hoạch định các chính sách phát triển phù hợp.

Để phù hợp với nhu cầu đổi mới công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch theo Luật Xây dựng và Nghị định 08, Bộ Xây dựng đã nghiên cứu, biên soạn và ban hành một số văn bản hướng dẫn trong đó có việc biên soạn “Đề cương Quy chế (Quy định) quản lý quy hoạch xây dựng cho các đồ án quy hoạch xây dựng” thay thế cho “Đề cương Điều lệ quản lý xây dựng cho các đồ án quy hoạch xây dựng” (quy hoạch vùng, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết) theo Quyết định số 322/BXD-ĐT ngày 28/12/1993 trước đây. Do đó, công tác soạn thảo lại nội dung văn bản “Đề cương Điều lệ quản lý xây dựng cho các đồ án quy hoạch xây dựng” cho các cơ quan tư vấn lập quy hoạch và chính quyền địa phương tham khảo để có cơ sở quản lý việc xây dựng, phát triển đô thị là rất cấp thiết.

Đề tài đặt ra những mục tiêu nghiên cứu như sau:

- Đề cương để soạn thảo Quy định quản lý QHXD là cơ sở pháp lý cho các chính quyền địa phương và các đơn vị tư vấn chuyên ngành về quy hoạch đô thị soạn thảo thống nhất các nội dung cần thiết cho công tác quản lý QHXD theo các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

- Đề cương cũng là cơ sở để đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thiết kế QHXD đáp ứng nhu cầu thực tế về quản lý

QHXD, trên cơ sở phát hiện những bất cập, tồn tại của “Điều lệ QHXD theo Quyết định 322”, cập nhật, bổ sung những quy định mới của Luật Xây dựng, Nghị định về QHXD và Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định; tổng hợp ý kiến của các đơn vị tư vấn về thiết kế QHXD, ý kiến của chính quyền các địa phương mà đề xuất biên soạn đề cương: “Đề cương Quy chế (Quy định) quản lý QHXD cho các đồ án QHXD”, phù hợp với Luật Xây dựng mới và các văn bản hướng dẫn nghị định, thông tư mới ban hành.

Đề tài đã thực hiện những nội dung nghiên cứu chủ yếu sau:

- Khảo sát tình hình thực tế của các địa phương và các đơn vị tư vấn quy hoạch về các nội dung Điều lệ quản lý quy hoạch theo Quyết định số 322/BXD-ĐT ngày 28/12/1993, rút ra các tồn tại cần khắc phục, thiếu sót cần bổ sung và kiến nghị hướng đổi mới.

- Tổng hợp kinh nghiệm của trong nước và nước ngoài về các Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng.

- Biên soạn dự thảo Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng (bao gồm Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng cho đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết).

Phạm vi nghiên cứu của đề tài bao gồm các văn bản pháp luật trong và ngoài nước có liên quan lĩnh vực quản lý, kiểm soát QHXD theo nội dung các đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết; trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện đặc điểm của từng địa phương để có những quy định về quản lý QHXD phù hợp.

Để thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu đã được nêu, đề tài đã tiến hành đánh giá các văn bản hướng dẫn soạn thảo điều lệ quản lý quy hoạch xây dựng theo Quyết định 322/BXD-ĐT ngày 28/12/1993 (trước

khi có Luật Xây dựng), đưa ra nhận xét chung về các văn bản hướng dẫn soạn thảo Điều lệ quản lý QHXD theo Quyết định 322/BXD-ĐT, đánh giá riêng các văn bản cụ thể hướng dẫn soạn thảo Điều lệ quản lý QHXD cho đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết theo quyết định 322/BXD-ĐT. Ngoài đánh giá về nội dung đề tài cũng nêu ra các kiến nghị về bổ sung và chỉnh sửa nội dung.

Đề tài đã tiến hành tham khảo kinh nghiệm trong nước và nước ngoài như kinh nghiệm về quy định quản lý QHXD cho đồ án quy hoạch chi tiết (Quy chế đô thị Sa pa tỉnh Lào Cai). Về kinh nghiệm nước ngoài có Quy định về quản lý QHXD cho đồ án quy hoạch chung tại thành phố San Fransisco (Mỹ), phần thiết kế đô thị; kinh nghiệm quản lý QHXD cho đồ án quy hoạch vùng thủ đô 3 nước: Ôxtrâyli, Nhật Bản và Pháp.

Trên cơ sở những kết quả thu được ở phần trên, đề tài đã biên soạn đề cương soạn thảo quy định quản lý QHXD theo các đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết. Đề cương được lập cho từng loại đồ án quy hoạch, tuy nhiên đều có cấu trúc bao gồm những phần sau:

- Chương 1: Quy định chung;
- Chương 2: Những quy định cụ thể;
- Chương 3: Phân cấp và quy định trách nhiệm quản lý xây dựng theo quy hoạch vùng (hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch chi tiết);
- Chương 4: Điều khoản thi hành;

Đề tài đã được Hội đồng Khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng nghiệm thu và xếp loại khá.

Huỳnh Phước

Nghiệm thu đề tài: Định hướng và giải pháp bảo tồn kiến trúc các làng truyền thống ở Bắc Bộ (Nghiên cứu thí điểm làng cổ Đường Lâm - Hà Tây)

Ngày 16/10/2007 Hội đồng Khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu đề tài KHCN: “Định hướng và giải pháp bảo tồn kiến trúc các làng truyền thống ở Bắc Bộ (Nghiên cứu thí điểm làng cổ Đường Lâm - Hà Tây)” - Mã số RD16-06 do Viện Nghiên cứu Kiến trúc thực hiện.

Thời gian gần đây đã có những nghiên cứu tập trung vào mảng làng cổ tiêu biểu mà điển hình là làng Đường Lâm. Tuy nhiên, chúng ta chưa xây dựng tiêu chí đánh giá một làng cổ truyền thống. Mặc dù đã có một vài chuyên khảo riêng cho những làng cổ mang tính điển hình, song không gian làng xã Việt Nam bên cạnh những giá trị văn hoá tinh thần to lớn còn chất chứa trong lòng nó khối di sản kiến trúc, nghệ thuật tiêu biểu và sáng giá ở Việt Nam.

Việc quản lý các làng mới chỉ nằm trong quản lý cấp địa phương mà chủ yếu dựa vào những quy định, hương ước của làng trước đây. Vì thế dẫn đến tình trạng quy hoạch làng manh mún, quản lý làng không có sự đồng bộ, quỹ di sản kiến trúc truyền thống của làng bị xuống cấp, mai một hoặc bị chuyển đổi chức năng đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Vì vậy, cần phải có ngay những định hướng và giải pháp thiết thực cho công tác bảo tồn và phát triển hệ thống làng cổ truyền thống và quy hoạch, xây dựng không gian làng Việt Nam thích ứng với thực tiễn đổi mới của đất

nước ta hiện nay mà vẫn dựa trên cơ sở và phát huy những giá trị tích cực của hương ước và điều lệ quản lý làng. Bên cạnh khối di sản là công trình kiến trúc riêng lẻ mà chúng ta đang nắm giữ trong tay, thì những làng cổ cũng cần được quan tâm và nhìn nhận để không vì đó mà nó bị lãng quên và phai nhạt.

Vì vậy, việc thực hiện đề tài “Định hướng và giải pháp bảo tồn kiến trúc các làng truyền thống ở Bắc Bộ” nhằm nghiên cứu bao quát các làng điển hình ở đồng bằng Bắc Bộ (ĐBBB), sau đó nghiên cứu trường hợp tại làng Đường Lâm (Hà Tây).

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là kiến trúc các làng truyền thống điển hình ở ĐBBB, sau đó nghiên cứu thí điểm tại làng cổ Đường Lâm.

Mục tiêu mà đề tài nghiên cứu đặt ra là đánh giá tổng quan giá trị kiến trúc làng truyền thống Bắc Bộ, định hướng bảo tồn thuộc đối tượng khảo sát, nghiên cứu và đề xuất giải pháp bảo tồn làng cổ Đường Lâm; ngoài ra đề tài còn làm rõ vai trò quản lý, quy hoạch, kiến trúc của ngành Xây dựng đối với làng truyền thống có giá trị tiêu biểu.

Trong khuôn khổ thực hiện nội dung khảo sát các làng truyền thống, nhóm đề tài đã nghiên cứu tổng quan về làng xã sau đó điều tra khảo sát một số làng truyền thống tại 15 tỉnh, thành phố vùng ĐBBB, gồm các làng Tân Cương - tỉnh Thái Nguyên, Do Nghĩa - tỉnh Phú Thọ, Thanh

Lãng, Hương Canh - tỉnh Vĩnh Phúc, Đình Bảng, Phù Lưu - tỉnh Bắc Ninh, Bát Tràng, Tả Thanh Oai, Triều Khúc - thành phố Hà Nội; Hành Thiện, La Xuyên - tỉnh Nam Định; Đọ, Quang Lang - tỉnh Thái Bình; Phong Cốc, Văn Lâm - tỉnh Quảng Ninh; Cự Đà, Đa Sỹ, Hương Ngải, Cậy - tỉnh Hà Tây; làng Nôm - tỉnh Hưng Yên, Vy Hạ - tỉnh Hà Nam và Hội Am - thành phố Hải Phòng và tại các tỉnh Ninh Bình, Hải Dương. Việc lựa chọn địa điểm khảo sát được thực hiện theo các tiêu chí: Tính tiêu biểu, tính duy nhất và tiêu chí niên đại với phạm vi khảo sát gồm: Vùng trung du (Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc), vùng đồng bằng sông Hồng (Bắc Ninh, Hà Tây, Hà Nam, Hà Nội, Hưng Yên) và vùng đồng bằng ven biển (Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình).

Trên cơ sở kết quả khảo sát nhóm đề tài đã tiến hành đánh giá di sản kiến trúc làng truyền thống ĐBBB về các mặt: Giá trị lịch sử - văn hoá, giá trị kiến trúc - nghệ thuật của di sản làng Bắc Bộ, những kinh nghiệm xử lý kiến trúc phù hợp với môi trường khí hậu, giá trị sử dụng và khai thác du lịch sinh thái từ quỹ di sản làng.

Một trong những kết quả quan trọng của đề tài là đề xuất định hướng, giải pháp bảo tồn làng truyền thống và dự thảo hướng dẫn quy hoạch làng truyền thống.

Định hướng bảo tồn di sản kiến trúc làng Bắc Bộ nêu ra nguyên tắc và mục tiêu chung cùng với việc định hướng cho từng đối tượng cụ thể như: Cụm di tích, các công trình kiến trúc dân gian, các công trình tôn giáo tín ngưỡng, các làng nghề thủ công truyền thống và các làng trong vùng lũ lụt.

Giải pháp bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di

sản kiến trúc làng Bắc Bộ nêu ra mục tiêu, 5 bước tiến hành quy hoạch bảo tồn và các giải pháp về kinh tế - văn hoá - xã hội, giải pháp quy hoạch - kiến trúc, các giải pháp quản lý, bảo tồn và khai thác.

Dự thảo hướng dẫn quy hoạch làng truyền thống nêu ra mục đích soạn thảo, quan điểm về quy hoạch làng truyền thống, phạm vi áp dụng, yêu cầu chung và các hướng dẫn thực hiện, bao gồm: Hướng dẫn chung về quy hoạch làng cổ, hướng dẫn cụ thể khi tiến hành quy hoạch làng cổ, đồng thời cũng đề xuất giải pháp phối hợp giữa các ngành xây dựng, văn hoá và UBND tỉnh trong việc lập quy hoạch những nơi có liên quan đến làng cổ tiêu biểu.

Các kết quả nghiên cứu đạt được ở phần trên đã được áp dụng cho việc xây dựng định hướng và giải pháp bảo tồn làng cổ Đường Lâm (Hà Tây). Nhóm nghiên cứu đã khảo sát và nghiên cứu làng cổ Đường Lâm về điều kiện tự nhiên, địa hình, những vấn đề về lịch sử, văn hoá, xã hội, kinh tế, dân số, tôn giáo, phong tục, hương ước, gia phả ở làng Đường Lâm, việc quy hoạch làng, văn hoá vật thể và dự án bảo tồn làng. Đề tài đã đề xuất định hướng bảo tồn và giải pháp bảo tồn bao gồm giải pháp về quy hoạch - kiến trúc, giải pháp về quản lý - khai thác - phát triển.

Đề tài đã được Hội đồng Khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng nghiệm thu và đánh giá đạt loại khá.

Huỳnh Phước

Thăm dò địa chất đường hầm bằng địa chấn TSP

Từ trước đến nay, đội ngũ thi công đường hầm ở Trung Quốc thường bỏ qua công đoạn khảo sát địa chất, phần lớn chỉ dựa vào thiết kế trên bản vẽ rồi tiến hành thi công, chỉ trừ phi trong quá trình thi công sau khi phát hiện sự cố về địa chất hoặc xảy ra hiện tượng như trượt đất, nước tràn khi đó mới thay đổi bản vẽ và công tác thăm dò địa chất mới bắt đầu vào cuộc. Trên thực tế, khi thực hiện thi công đường hầm, công tác khảo sát địa chất là một phần quan trọng không thể thiếu trong các bước tiến hành. Kỹ thuật dự báo về địa chất hiện đang trở thành điểm quan tâm của bộ môn quản lý và nhân viên kỹ thuật công trình lớn. Hệ thống thăm dò TSP (Tunnel seismic Prediction) hiện là loại thiết bị có khả năng thăm dò địa chất đường hầm, hàng động với bán kính rộng và cũng là thiết bị tiên tiến nhất trong và ngoài nước. Để so sánh với các thiết bị thăm dò địa chất khác, thì thiết bị TSP có ưu điểm khác biệt là có khoảng cách thăm dò xa, độ chính xác, khả năng chống nhiễu cao, ảnh hưởng rất ít tới công tác thi công.

1. Nguyên lý cơ bản của hệ thống thăm dò TSP

Thiết bị TSP là do Công ty kỹ thuật đo lường Amberg nghiên cứu và chế tạo. Nguyên lý cơ bản của hệ thống dự báo địa chất này là: Trong đường hầm người ta tạo ra một loạt nguồn chấn động nhẹ một cách có quy luật và trình tự, sóng địa chấn phát ra từ chấn động sẽ truyền vào phía trước của đường hầm, khi gặp phải khe hở của khối nham thạch, đặc biệt là khối địa chất không tốt như: tầng đứt gãy, hang đá vôi, mạch nước ngầm, địa hình các-xtơ... sẽ có tín hiệu sóng phản hồi. Tốc độ truyền sóng, thời gian kéo dài, hình sóng, cường độ và phương hướng... đều có liên quan mật thiết

với trạng thái và tính chất của ranh giới. Các sóng này truyền qua hay phản xạ trên các lớp đất đá và khi tới máy thu sẽ mang theo thông tin về lớp đất đá nó đã đi qua, thông qua bộ máy vi xử lý sẽ được lưu lại. Sau đó, chuyển tải những dữ liệu này sang phần mềm đặc biệt trong máy tính, sau khi những số liệu phức tạp được máy tính xử lý tính toán, cuối cùng là hình thành lên hình sóng phản xạ (sóng dọc), phản ảnh rõ mặt cắt, tiết diện và hình dạng địa chất trong đường hầm, nhân viên kỹ thuật công trình có nhiệm vụ phân tích các dải sóng, công việc này đòi hỏi nhân viên phải có trình độ kỹ thuật phân tích cao, ngoài yêu cầu có kinh nghiệm thực tiễn, còn cần phải có kinh nghiệm giỏi về phân tích địa chấn.

2. Chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu của hệ thống thăm dò TSP

2.1 Khả năng xử lý các vấn đề kỹ thuật chủ yếu

2.1.1 Có khả năng dự báo vị trí, quy mô, thể địa chất không tốt ở phía trước đường hầm như: tầng đứt gãy, đất mềm, địa hình các-xtơ...

2.1.2 Dự báo về quy mô, vị trí và sự tồn tại của các khu trống như hầm cổ, động cổ và thể địa chất có mực nước tràn hơn 5m³/h

2.1.3 Dự báo khi giáp ranh với tầng than, tầng cát nhiều nước trong địa tầng cacbon

2.1.4 Dự báo sơ qua các lớp đá xung quanh và phân thành từng cấp

2.1.5 Dự báo khi có thể địa chất nguy hiểm như: trượt đất, ngập nước, trào bùn

2.2 Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu có thể đạt tới

2.2.1 Tính từ phía trước của cửa hầm vào, thông thường hệ thống TSP có thể đo khoảng cách sâu từ 300m – 500m, dài nhất có khi đạt tới 1500m, dự báo có hiệu quả khi cách phía trước của đường hầm từ 100m

– 150m

2.2.2 Cách phía trước đường hầm 1m có thể quan sát rõ thể địa chất ở mức cao nhất

2.2.3 Dự báo trước vị trí thể địa chất không ổn định chính xác đến hơn 90%

2.2.4 Dự báo trước quy mô thể địa chất không ổn định chuẩn xác đến hơn 85%

3. Phương pháp thăm dò bằng địa chấn TSP

3.1 Công tác chuẩn bị trước khi đo

3.1.1 Bố trí các thiết bị kích động nhân tạo

Dựa vào trạng thái mặt kết cấu chủ yếu và tình hình địa chất đã được làm rõ, rồi quyết định bố trí các điểm nổ ở vách bên nào của đường hầm. Ở một mặt bên của vách hầm, bố trí điểm nổ thứ nhất, và từ điểm nổ này bố trí từ trong ra ngoài thêm khoảng 18– 20 điểm nổ khác, khoảng cách mỗi điểm nổ cách nhau là 1,5m, điểm nổ đầu tiên cách cửa hầm khoảng từ 5 – 10m, các điểm nổ có đường kính 38 – 45mm, độ sâu khoảng 1,5m, cách mặt sàn khoảng 1m, các lỗ khoan có hướng trục nghiêng xuống phía dưới từ 10° - 20°, trong mỗi điểm nổ gắn 40g thuốc nổ dạng lỏng rồi cắm ngòi nổ vào, chờ đến khi cần dùng đến.

3.1.2 Bố trí thiết bị thu sóng địa chấn

Bố trí 2 lỗ khoan thu sóng địa chấn ở hai mặt bên thành hầm, vị trí đối xứng nhau, với chiều sâu 2,4m, đường kính 38- 45mm, cách mặt sàn 1m, cách phía trước của đường hầm trở ra khoảng 50m, cách điểm nổ cuối cùng là 20m, lỗ khoan có hướng trục hướng ra ngoài của hầm và nghiêng xuống phía dưới 15°. Sau khi khoan xong lỗ nổ, dùng chất kết dính nhồi đầy vào các lỗ khoan, sau đó cắm ống lồng của thiết bị thu sóng vào, yêu cầu giữa ống lồng và khu vực núi đá xung quanh không có khe nứt, như vậy mới đảm bảo tiêu chuẩn thông tin mà các sóng chấn động phát ra.

3.2 Đo tại chỗ

3.2.1 Yêu cầu phải đưa số liệu cơ bản của công trình (tên công trình, ngày tháng

thi công, lịch trình) và tham số đo lường (toạ độ lỗ nổ và thiết bị thu sóng) vào máy tính.

3.2.2 Dùng thiết bị thu sóng cắm vào ống lồng, sau đó nối với cáp truyền tải tín hiệu.

3.2.3 Sau khi liên kết với các đường điện. Tiến hành khởi động kiểm tra độ ổn và đo tuyến rồi ghi chép vào máy tính.

3.2.4 Tại lỗ khoan của nguồn chấn động cách thiết bị thu sóng gần nhất, đổ nước vào lỗ khoan để bịt kín miệng lỗ, kích động ngòi nổ và tiến hành đo sóng địa chấn và thu thập các dữ liệu.

3.3 Phân tích dữ liệu

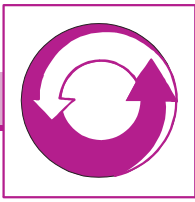
Sau khi đã hoàn tất công tác đo đạc tại hiện trường, lấy toàn bộ dữ liệu đã ghi chép lại được và đưa vào trong máy tính và bắt đầu tiến hành phân tích và tính toán. Dựa vào các dữ liệu máy tính thu được về bản vẽ điểm ảnh và bản vẽ mặt cắt ngang trong đường hầm, đồng thời kết hợp tình hình núi đá xung quanh và lý luận học về địa chất, có thể phát hiện được vị trí, quy mô địa chất không tốt ở phía trước đường hầm.

4. Lời kết

Cũng giống như hệ thống khảo sát địa chất bằng rada, hệ thống thăm dò địa chất TSP cũng là một loại nguyên lý phản xạ và tiếp nhận, nhưng chỉ khác ở chỗ hệ thống thăm dò bằng rada sử dụng sóng điện từ, còn hệ thống TSP dựa vào sóng âm thanh, dựa vào các bản vẽ về sóng truyền có thể lý giải được tình hình núi đá xung quanh. Công dụng của hệ thống TSP chủ yếu là thăm dò vị trí, quy mô và tình hình địa chấn không tốt, mức độ dự báo có độ chính xác cao. Giúp thực hiện tốt công tác phòng tránh, và xử lý về địa chất.

ND: Bích Ngọc

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng Trung Quốc
Tháng 12/2007*



Hội nghị Tổng kết công tác năm 2007 và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2008 Ngành Xây dựng

Ngày 11/01/2008 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác năm 2007 và bàn biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2008 ngành Xây dựng. Hội nghị vinh dự được đón đồng chí Hoàng Trung Hải - Ủy viên BCHTW Đảng CSVN, Phó Thủ tướng Chính phủ đến dự và phát biểu với Hội nghị. Đồng chí Nguyễn Hồng Quân - Ủy viên BCHTW Đảng CSVN, Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị.

Đến dự Hội nghị có các đồng chí lãnh đạo các Cục, Vụ, Ban thuộc Bộ, các Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc các Tổng công ty, Công ty trực thuộc Bộ, lãnh đạo các Viện nghiên cứu, Trường đào tạo chuyên ngành, các Hiệp hội và Hội nghề nghiệp ngành xây dựng.

Phát huy thành tựu đã đạt được trong các năm qua, năm 2007 toàn Ngành Xây dựng vẫn tiếp tục có những bước tiến đáng kể trong lĩnh vực quản lý Nhà nước cũng như trong sản xuất kinh doanh (SXKD), đầu tư phát triển, đạt mức tăng trưởng 30%, cao hơn gấp 2 lần so với mức tăng trưởng chung của khu vực công nghiệp và xây dựng cả nước (10,6%), đã đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng kinh tế và ổn định chính trị của đất nước.

Công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), cải cách hành chính, là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Bộ Xây dựng. Bám sát Chương trình công tác của Chính phủ, năm 2007, Bộ Xây dựng đã tập trung cho công tác xây dựng pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, với tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt là xây dựng đồng bộ, đầy đủ, hoàn chỉnh hệ thống VBQPPL về các lĩnh vực thuộc ngành

Xây dựng theo hướng phủ kín các lĩnh vực hoạt động, phân cấp mạnh, rõ quyền, rõ trách nhiệm, các thủ tục đơn giản, thông thoáng tạo điều kiện phát huy nguồn lực, thúc đẩy các hoạt động xây dựng của các tổ chức và cá nhân theo cơ chế thị trường.

Điểm mới trong công tác xây dựng và ban hành VBQPPL, cải cách hành chính của Bộ Xây dựng là lần đầu tiên có VBQPPL cấp nghị định về quản lý một số lĩnh vực như: Quản lý kiến trúc đô thị; xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị; kinh doanh bất động sản; quản lý VLXD; quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật xây dựng đã được đặc biệt quan tâm, ngày càng đa dạng, dưới các hình thức khác nhau như: Thông qua mạng điện tử, trang Web, báo điện tử của Bộ Xây dựng, trên các báo, tạp chí của Ngành và các báo, tạp chí khác; đã mở chuyên mục giải đáp pháp luật cho mọi tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

Bộ đã tổ chức nhiều buổi giao lưu trực tuyến với các Sở Xây dựng để hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về xây dựng tại các địa phương.

Một số kết quả hoạt động của các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng trong năm 2007 như sau: Tổng giá trị SXKD của các doanh nghiệp đạt 103.153 tỷ đồng, bằng 111,6% kế hoạch năm, tăng trưởng 30% so với năm 2006; xi măng toàn ngành ước đạt 36,2 triệu tấn, bằng 102% kế hoạch năm, tăng 13,2% so với năm 2006. Tổng doanh thu đạt 69.079,878 tỷ đồng bằng 125,27% so với năm 2006. Lợi nhuận trước thuế đạt

2.618,334 tỷ đồng bằng 150,2% so với năm 2006. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế đạt 2.618,334 tỷ đồng bằng 150,2% so với năm 2006. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu đạt 3,79% cao hơn 0,63% so với năm 2006. Đầu tư ước đạt 29.157 tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ năm 2006.

Nhiều công trình trọng điểm đã được đẩy nhanh tiến độ, nổi bật là: Dự án Nhiệt điện Cà Mau đã hoàn thành, chạy thử không tải, thông hầm Thủy điện Buôn Lốp, hợp long cầu Thủ Thiêm, hoàn thành ngăn sông thủy điện Xekaman 3,...

Một số đơn vị có mức tăng trưởng cao như: LILAMA (tăng 43,7%), HUD (tăng 50%), TCty Sông Đà (tăng 45,7%), IDICO (tăng 50,1%), DIC (tăng 51,6%), TCty VLXD số 1 (tăng 58%),...

Một số đơn vị có khối lượng thực hiện đầu tư lớn như: TCty Sông Đà (7.315 tỷ đồng), Vinaconex (5.169 tỷ đồng), Tcty Xi măng Việt Nam (3.983 tỷ đồng).

Năm 2007 cũng đánh dấu bước phát triển, hợp tác ở tầm cao mới của ngành Xây dựng Việt Nam với các nước bạn Lào và Campuchia về quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nhà, phát triển các dự án thủy điện.

Thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP, Bộ đã chỉ đạo chuyển đổi mô hình tổ chức và hoạt động của các viện nghiên cứu theo hướng tự chủ, đến nay 100% các tổ chức nghiên cứu khoa học đã xây dựng đầy đủ đề án chuyển đổi và bước đầu áp dụng cơ chế đặt hàng trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Các đơn vị sự nghiệp có thu đã triển khai thực hiện quyền tự chủ về biên chế và kinh phí. Tất cả các đơn vị đều đã ban hành quy chế quản lý tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ, đồng thời tổ chức thực hiện theo quy chế đạt hiệu quả.

Giá trị SXKD các đơn vị sự nghiệp trong năm 2007 đạt 278 tỷ đồng, bằng 122,5% kế

hoạch năm, tăng 25,3% so với cùng kỳ năm 2006.

Công tác thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí đã được Bộ đặc biệt quan tâm. Ban cán sự Đảng Bộ đã có Kế hoạch số 08-KH/BCSĐ ngày 13/7/2007 về tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí theo nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động của Chính phủ.

Năm 2007, mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức như thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi, giá xăng dầu sắt thép tiếp tục tăng cao ảnh hưởng lớn đến hoạt động xây dựng nhưng toàn ngành Xây dựng vẫn tiếp tục có những bước tiến đáng kể trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước cũng như trong SXKD và đầu tư phát triển của các doanh nghiệp.

Năm 2008 là năm bản lề của Kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, là năm Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập ngành Xây dựng Việt Nam, phát huy những thành tựu đã đạt được, toàn Ngành đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2008 với những nội dung chủ yếu sau:

- Hoàn thành Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2008 bảo đảm tiến độ. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, rà soát VBQPPL về các lĩnh vực quản lý của Ngành, đảm bảo đồng bộ, không chồng chéo, không gây phiền hà cho dân. Tiếp tục phân cấp mạnh cho địa phương.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ. Mở thêm các chuyên mục và nâng cao chất lượng trang thông tin điện tử của Bộ. Tiếp tục thực hiện và nâng cao chất lượng các cuộc giao lưu trực tuyến với các Sở địa phương. Đẩy mạnh tập huấn các quy chuẩn và tiêu chuẩn mới ban hành.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các Định

hướng phát triển đô thị đến năm 2020, nhằm thực hiện sắp xếp lại hệ thống đô thị trên địa bàn cả nước. Tập trung chỉ đạo hoàn thành dứt điểm các quy hoạch: Vùng thủ đô Hà Nội, Vùng thành phố Hồ Chí Minh, các Vùng duyên hải Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Trung Bộ; biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia. Xây dựng trình Chính phủ đề án Chung sống an toàn với lũ lụt của các tỉnh ven biển miền Trung.

Đẩy nhanh việc thực hiện Định hướng phát triển cấp nước đô thị và Định hướng phát triển thoát nước đô thị Việt Nam đến năm 2020. Tổ chức triển khai Đề án xử lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại bằng công nghệ trong nước. Năm 2008, phấn đấu đạt chỉ tiêu 85% dân cư đô thị, 75% dân cư nông thôn được cấp nước sạch, bình quân 100 lít/người/ngày đêm.

- Tập trung thực hiện Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020, phấn đấu năm 2008 đạt 30 - 32 triệu m² sàn nhà ở, nâng diện tích bình quân lên trên 12 m² sàn/người; xúc tiến thực hiện Chương trình tôn nền vượt lũ đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2; phát triển thị trường bất động sản, xây dựng hệ thống đăng ký, thông tin bất động sản; thực hiện Đề án cho Việt kiều và người nước ngoài được mua nhà tại Việt Nam.

- Quan tâm đầu tư vào trang thiết bị tiên tiến, nhanh chóng tiếp cận, đổi mới và làm chủ các công nghệ xây dựng hiện đại trong thi công xây lắp, nâng cao năng lực tham gia thực hiện các dự án, công trình xây dựng có quy mô lớn, phức tạp ở trong và ngoài nước. Tăng cường tiếp thị, thông tin thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, coi trọng xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp. Tăng cường công tác thông tin KH-CN; tạo lập thị trường KH-CN xây dựng, nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng.

Tăng cường quản lý năng lực, điều kiện hoạt động xây dựng, cấp phép xây dựng; coi trọng công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng, công tác an toàn trong xây dựng. Thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các biện pháp, chế tài thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, tham nhũng trong đầu tư xây dựng.

- Hoàn thành việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể ngành VLXD Việt Nam đến năm 2020, Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD đến năm 2010. Tiếp tục thực hiện Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng đến năm 2020, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các nhà máy xi măng; phấn đấu sản lượng xi măng đạt 40 triệu tấn, tăng 10,4% so với thực hiện năm 2007.

- Triển khai tổ chức quản lý ngành Xây dựng theo phân công mới của Chính phủ. Chú trọng phát triển lực lượng xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành Xây dựng và toàn xã hội. Chăm lo đào tạo, nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và mọi người dân tham gia hoạt động xây dựng.

Năm 2008 các doanh nghiệp thuộc Bộ phấn đấu thực hiện những chỉ tiêu sau: Giá trị SXKD đạt 121.732 tỷ đồng, tăng trưởng 18% so với năm 2007; xuất nhập khẩu đạt 1.069 triệu USD, trong đó xuất khẩu 222 triệu USD tăng 42,1% so với năm 2007; giá trị đầu tư đạt 46.893 tỷ đồng, tăng 59,7% so với năm 2007.

Tiếp tục việc sắp xếp, đổi mới và cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Huỳnh Phước

Ghi nhận tại Hội thảo “Tai nạn thương tích trẻ em trong hoạt động xây dựng, thực trạng và giải pháp”

Trẻ em là hạnh phúc của gia đình, tương lai của đất nước, là lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em của Việt Nam ban hành năm 1991 và được sửa đổi năm 2004 đã quy định “Việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân”.

Theo báo cáo của Tổ chức y tế thế giới (WHO), hàng năm trên thế giới có khoảng 875.000 trẻ em bị chết và hàng chục triệu trẻ em bị chết do tai nạn thương tích. Tai nạn thương tích là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tàn phế và tử vong cao đối với trẻ em. Chi phí hàng năm về y tế và xã hội trên toàn thế giới dành cho tai nạn thương tích ước tính vượt quá 518 tỷ đô la. Tại Việt Nam, chi phí cho các dịch vụ cấp cứu, điều trị, phục hồi chức năng, mất khả năng lao động và thương tật ước tính khoảng 30.000 tỷ đồng/năm. Tai nạn thương tích đã trở thành nguyên nhân hàng đầu gây tử vong ở trẻ em Việt Nam. Tử vong do chấn thương ở trẻ em Việt Nam chiếm gần 75%; trong khi đó, tử vong do bệnh truyền nhiễm chỉ chiếm 12%, do bệnh mãn tính chiếm 13%. Có thể nhận định rằng tai nạn thương tích hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của cộng đồng ở Việt Nam.

Xuất phát từ thực tế trên, ngày

22/12/2007, Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng phối hợp với Vụ Trẻ em - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và tổ chức UNICEF tổ chức Hội thảo “Tai nạn thương tích trẻ em trong hoạt động xây dựng, thực trạng và giải pháp” tại trụ sở Bộ Xây dựng. Hội thảo này là bước khởi đầu, đặt nền móng cho những hội thảo và tham luận khác, tiến tới có những chương trình, kế hoạch tầm quốc gia nhằm hạn chế thương tích cho trẻ em.

Đến dự hội thảo có ông Chu Văn Chung - Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Xây dựng, ông Nguyễn Trọng An - Phó Vụ trưởng Vụ Trẻ em Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Quyền đại diện của tổ chức UNICEF tại Việt Nam - ông Rajen Sharma và nhiều đại biểu khác là các đồng chí lãnh đạo, chuyên viên từ các Cục, Vụ của Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục & đào tạo, các chuyên gia đến từ Viện Nghiên cứu kiến trúc, Viện Nghiên cứu thiết kế trường học- Bộ Giáo dục và đào tạo, Trường đại học Kiến trúc, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Hà Nội, Hiệp hội Tư vấn xây dựng... và đông đảo các phóng viên đại diện cho Báo Xây dựng, Tạp chí Gia đình và trẻ em, Chương trình thời sự học đường VTV1 đài Truyền hình Việt Nam.

Vụ Pháp chế Bộ Xây dựng đã tiến hành thu thập các thông tin về tình hình tai nạn thương tích của trẻ em có liên quan đến hoạt động xây dựng, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn, tiêu

chuẩn trong hoạt động xây dựng có liên quan đến tai nạn thương tích của trẻ em có nguyên nhân từ các hoạt động xây dựng gây ra. Trên cơ sở đó có các nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định trong quản lý hoạt động xây dựng nhằm hạn chế các tai nạn thương tích trẻ em.

Tại hội thảo, các đại biểu đã được nghe nhiều ý kiến đóng góp của các chuyên gia về thực trạng tai nạn thương tích cho trẻ em xuất phát từ hoạt động xây dựng, chỉ ra nguyên nhân từ hoạt động xây dựng và đề ra những giải pháp để phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em. Các ban ngành, lĩnh vực đều có những ý kiến đóng góp thú vị, sinh động và thiết thực. Có thể nêu ra một vài ý kiến tiêu biểu sau:

Phó Vụ trưởng Vụ Trẻ em - Bộ Lao động Thương binh và xã hội Nguyễn Trọng An đã tập trung vào hai nguyên nhân chính gây tai nạn thương tích cho trẻ em là tai nạn giao thông và chết đuối. Ông cũng đưa ra một số giải pháp như: sự cam kết của chính quyền các cấp, hoạt động tuyên truyền giáo dục ý thức người dân, sự kiểm tra giám sát từ cộng đồng, thiết chế luật pháp, chế tài, nguồn lực, đặc biệt nhấn mạnh tới một số chi tiết trong thiết kế nội thất như ván ốp bao khe cửa, nắp che bảng điện, hiện đang được áp dụng khá rộng rãi ở nước ngoài. Mặc dù chỉ là những chi tiết rất nhỏ trong hoạt động xây dựng nhưng chúng lại có giá trị rất lớn trong hoạt động giảm tai nạn thương tích ở trẻ em bên cạnh những biện pháp vĩ mô khác.

TS., KTS. Đào Ngọc Nghiêm - Phó Chủ

tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Hà Nội thì lại tập trung vào việc hoàn thiện các tiêu chuẩn về xây dựng đã ban hành năm 1997 và hiện đang được hoàn chỉnh. Trong đó, ông lưu ý đến 5 vấn đề chính: Cơ cấu, phân khu chức năng đô thị, xác định hành lang bảo vệ, lựa chọn địa điểm các công trình hạ tầng xã hội có liên quan đến trẻ em, khai thác sử dụng các công trình có chức năng hỗn hợp và vai trò quản lý của Nhà nước và giám sát của cộng đồng trong quản lý xây dựng theo quy hoạch.

KTS. Trần Thanh Ý - Trưởng phòng Nghiên cứu tiêu chuẩn hóa - Viện Nghiên cứu kiến trúc cũng tập trung vào vấn đề tiêu chuẩn trong thiết kế, nhưng lại nhấn mạnh vào vấn đề nhà ở. Bài phát biểu xoay quanh một số tiêu chuẩn trong thiết kế như thiết kế đối với lan can, logia, cầu thang, hệ thống cửa đi, kính, thiết bị điện tại một số nhà ở và khu chung cư tiềm ẩn nguy cơ gây tai nạn thương tích cho trẻ em. KTS. Trần Thanh Ý cũng đã chỉ ra được những nguyên nhân còn tồn tại như sự không tuân thủ các tiêu chuẩn của các chủ thể trong hoạt động xây dựng là người dân, nhà thiết kế, người thẩm tra giấy phép xây dựng... và sự bất cập của chính bản thân những tiêu chuẩn của luật pháp. Những đề xuất được đề ra trong bài phát biểu này gồm 9 giải pháp: Sự quan tâm đến mọi đối tượng sử dụng nhà ở; Rà soát lại hệ thống tiêu chuẩn thiết kế nhà; Kết hợp giữa nguyên lý thiết kế và tiêu chuẩn; Quy định liên quan đến an toàn và tính mạng con người phải được quy định có tính bắt buộc, thể chế bằng những văn bản luật; Nâng

cao trách nhiệm của nhà đầu tư trong xây dựng; Biện pháp chế tài trong việc áp dụng tiêu chuẩn như không cấp giấy phép đầu tư; Chế độ bảo trì bảo dưỡng thiết bị công trình; ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại; Sự kiểm soát của người lớn đối với trẻ em.

TS., KTS. Trần Thanh Bình Viện trưởng Viện Nghiên cứu thiết kế trường học lại tập trung vào khía cạnh chống tai nạn thương tích trong hoạt động xây dựng trường học. Với những hình ảnh minh họa rõ nét và ấn tượng, giúp người xem tận mắt chứng kiến những nguy cơ tiềm ẩn trong hoạt động xây dựng trường học có thể gây tai nạn thương tích cho trẻ em. Trong đó, ông đặc biệt nhấn mạnh tới vấn đề xây chen công trình xây dựng với trường học.

PGS., TS. Nguyễn Khắc Hiếu lại đi vào khía cạnh áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế các công trình y tế và vấn đề thực hiện pháp luật. Bài tham luận lấy ví dụ về 4 bệnh viện lớn ở Hà Nội: Bệnh viện Nhi TW, Bệnh viện Xanh Pôn, Bệnh viện Thanh Nhàn và Bệnh viện Bạch Mai. Trong đó Bệnh viện Bạch Mai là bệnh viện có thể lấy làm điển hình tốt, tiêu biểu trong công tác phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em như việc xây lan can hành lang với chấn song dọc, lối vào cho xe nô, cho người tàn tật, lan can ban công với hệ thống chấn song, lưới bảo vệ ở khu vực khoa Nhi. Và

ông đã đưa ra tại hội thảo một số giải pháp như: tổ chức không gian kiến trúc, kết cấu chi tiết công trình, vật liệu xây dựng...

KTS. Đoàn Khắc Tình - Trường Đại học kiến trúc Hà nội tập trung phát biểu vào một số công trình xây dựng như nhà hát, rạp chiếu phim, viện bảo tàng, sân vận động. KTS. Đoàn Khắc Tình đặc biệt nhấn mạnh tới ứng xử của người thiết kế xây dựng là vấn đề then chốt, có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động xây dựng hay nói một cách nôm na là sự vận dụng của người thiết kế dựa trên tiêu chuẩn thiết kế vào thi công công trình.

Cuối buổi hội thảo ông Nguyễn Trọng An đặc biệt nhấn mạnh vào hai giải pháp là công tác tuyên truyền giáo dục và ý thức từ phía người dân trong công tác phòng tai nạn thương tích cho trẻ em.

Có thể nói, hội thảo đã thành công tốt đẹp, thu nhận được ý kiến đóng góp quý báu và có giá trị của các nhà nghiên cứu, các nhà lãnh đạo trong hoạt động phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em. Đại diện của UNICEF đánh giá - hội thảo đã đi đúng hướng và sẽ là cam kết mạnh mẽ từ nhiều cơ quan, ban ngành và cả người dân cho hoạt động bảo vệ trẻ em nói chung và giảm tai nạn thương tích cho trẻ em nói riêng./.

Trần Hồng Nhung

Hội thảo truyền hình Công nghệ xử lý nước thải của Israel

Ngày 10/1/2008 tại Hà Nội, Công ty cổ phần Tư vấn Công nghệ, thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO) - Bộ Xây dựng đã phối hợp với Đại sứ quán Israel tại Hà Nội, Trung tâm Hỗ trợ và Hợp tác phát triển Quốc tế (MASHAV) và Vụ Kinh tế của Bộ Ngoại giao Israel tổ chức "Hội thảo truyền hình đầu tiên về công nghệ xử lý nước thải của Israel" tại VDIC - trụ sở Ngân hàng Thế giới.

Tới dự hội thảo có GS. TSKH. Nguyễn Văn Liên - Thứ trưởng Bộ Xây dựng, lãnh đạo các Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Hạ tầng kỹ thuật đô thị của Bộ Xây dựng, lãnh đạo các viện, các doanh nghiệp từ trung ương đến địa phương. Phía Israel có ông Effie Ben Matityau - Đại sứ Israel tại Việt Nam, ông Haim Divon - Giám đốc MASHAV.

Ngày nay các vấn đề môi trường ngày càng được nhận thức rằng không phải là vấn đề của riêng một quốc gia hay một nhóm hưởng lợi nào mà là vấn đề của toàn thể nhân loại và đòi hỏi trách nhiệm và sự tham gia của từng cá nhân sinh sống trên hành tinh này.

Trong tiến trình phát triển kinh tế xã hội, việc bùng nổ các khu đô thị, khu công nghiệp, phát triển của các làng nghề tại các vùng nông thôn đã tạo ra nhiều công việc làm và của cải, đồng thời đặt ra vấn đề môi trường còn phải giải quyết, một trong số đó là vấn đề xử lý nước thải. Đặc biệt là

trong bối cảnh hiện nay, khi phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu của mọi quốc gia.

Trong thời gian diễn ra hội thảo, cầu truyền hình được thiết lập giữa các chuyên gia Israel tại Viện Hợp tác quốc tế và Xuất khẩu Israel ở Tel Aviv và các đồng nghiệp Việt Nam tại VDIC thông qua trụ sở Ngân hàng Thế giới ở Washington, Mỹ.

Hội thảo mở đầu với phần trình bày chính của giáo sư Galil Noah về "Phương pháp xử lý và tái sử dụng nước thải công nghiệp", có ví dụ cụ thể trong ngành công nghiệp hóa dầu. Giáo sư Noah là chuyên gia nổi tiếng thế giới trong lĩnh vực này. Hiện ông là Chủ tịch Hiệp hội Nước Israel, thành viên của Ủy ban quản lý Viện Nghiên cứu Nước và đang giảng dạy tại Viện Công nghệ Israel. Ông đã thực hiện một số nghiên cứu về sự phát triển của các hệ thống xử lý nước thải trong ngành công nghiệp hóa dầu. Một trong những nghiên cứu quan trọng nhất của ông là phát triển phương pháp xử lý sinh học mới dựa trên các phản ứng màng sinh học.

Tiếp đến là phần trình bày của 4 công ty GES, Nirosoft, P2W và Lesico. Đây là những doanh nghiệp hàng đầu Israel trong lĩnh vực xử lý nước thải. Chuyên gia của các công ty này sẽ giới thiệu những công nghệ xử lý nước thải hiện đại nhất trong những ngành công nghiệp cụ thể như giấy, hóa học, chăn nuôi, hóa dầu ở khu công

ngành và các khu đô thị. Những công nghệ này không chỉ được ứng dụng rộng rãi ở Israel mà còn ở nhiều nơi trên thế giới.

1. Công ty GES chuyên xử lý nước thải:

- Khử mặn nước biển và nước lợ
- Lọc nước tinh khiết
- Xử lý nước phục vụ cho ngành công

ngành

- Xử lý nước thải đô thị
- Xử lý nước thải nông nghiệp
- Xử lý nước thải công nghiệp.

2. Công ty Nirosoft chuyên phân tích, nghiên cứu & phát triển, kiểm tra tính khả thi, lập kế hoạch, sản xuất, xây dựng, uỷ thác và dịch vụ trong lĩnh vực:

- Hệ thống xử lý nước
- Hệ thống xử lý nước thải
- Hệ thống tách chất lỏng
- Cung cấp các chất hoá học chuyên

biệt dùng cho xử lý nước thải và nước

- Là nhà cung cấp các giải pháp xây dựng trọn gói đến tay người sử dụng nước và quản lý nước thải.

3. Công ty P2W chuyên:

- Xử lý nước sông bị ô nhiễm hay bị nhiễm kim loại nặng

- Cung cấp hệ thống phá huỷ và loại bỏ xyanua trong nước thải.

4. Công ty Lesico

- Là công ty chuyên về cơ sở hạ tầng lớn nhất tại Israel

- Là một trong những công ty tiên phong thực hiện các dự án liên quan đến môi trường tại Israel

- Tham gia vào một chuỗi các hoạt động từ xây dựng, xử lý nước thải đến kiểm soát mùi

- Tham gia vào xây dựng các nhà máy khử mặn, lắp đặt hệ thống gas, nhà máy xử lý nước thải, xử lý nước mặn...

Hội thảo truyền hình này là dịp để chuyên gia và doanh nghiệp 2 nước hiểu nhau rõ hơn và tìm kiếm cơ hội hợp tác trong các lĩnh vực mà hai bên cùng quan tâm.

Minh Tâm

Bước tiến trong phương pháp xây dựng Hệ thống Quy chuẩn và Tiêu chuẩn xây dựng & Những tồn tại cần khắc phục của các quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng có liên quan đến chiếu sáng công cộng

Công tác tiêu chuẩn hoá hiện nay giữ vai trò quan trọng, vừa tác động giúp cho tiến trình hội nhập phát triển thương mại, sản xuất và dịch vụ với khu vực và quốc tế

được hài hoà, thuận lợi khi các rào cản kỹ thuật được dỡ bỏ. Ngược lại, nó cũng là công cụ chế tài kỹ thuật để giúp bảo hộ cho nền công nghiệp xây dựng trong nước

đúng vững và phát triển trước tác động cạnh tranh của cơ chế thị trường.

Do đó, bên cạnh việc tổ chức nghiên cứu, biên soạn công tác tiêu chuẩn hoá giờ đây bao gồm cả việc chuyển dịch hài hoà các tiêu chuẩn kỹ thuật nước ngoài như của các tổ chức ISO (Tổ chức Tiêu chuẩn hoá quốc tế), EUROCODE (Tiêu chuẩn Châu Âu), DIN (Tiêu chuẩn Đức), BS (Anh), Australia, Mỹ...

1. Về phương pháp xây dựng quy chuẩn kỹ thuật

Theo Luật Xây dựng, Quy chuẩn xây dựng là các quy định bắt buộc áp dụng trong hoạt động xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về xây dựng ban hành.

Các yêu cầu của quy chuẩn cần đạt được là:

- Yêu cầu thứ nhất là quy chuẩn chỉ đưa ra các mục tiêu cuối cùng mà một sản phẩm quy hoạch, kiến trúc, xây dựng được đưa vào sử dụng trong xã hội cần phải đạt được, nhưng cần chú ý đó là các mục tiêu chứ không phải là biện pháp, giải pháp, phương pháp, cách làm.

Vì vậy, trong quy chuẩn không bao gồm các yêu cầu về quản lý, đầu tư, thiết kế, thi công, nghiệm thu, tính toán, kinh tế....

- Yêu cầu thứ hai của quy chuẩn là các mục tiêu phải có thể quản lý được. Đó là các tiêu chí kỹ thuật cần đạt được và các phạm vi kỹ thuật không được vi phạm.

Vì vậy, tính cụ thể của quy chuẩn là phải chỉ ra cụ thể các ngưỡng, các biên, các giới hạn không được vượt qua, không bao gồm các nguyên tắc mang tính khẩu hiệu chung

chung và các nguyên lý triu tượng không thể quản lý được.

Do đó, cần thiết lập nội dung của các quy chuẩn chiếu sáng công cộng theo hướng quy định các nguyên tắc bắt buộc các thiết kế phải đạt được yêu cầu hiệu suất cao và tiết kiệm năng lượng so với các phương pháp tính toán và lựa chọn thiết bị thông thường.

2. Về phương pháp xây dựng Tiêu chuẩn

Theo Luật Quy chuẩn và Tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu của các tiêu chuẩn kỹ thuật là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế xã hội, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đối tượng này.

Theo Luật Xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng là các quy định về chuẩn mực kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, trình tự thực hiện các công việc kỹ thuật, các chỉ tiêu, các chỉ số kỹ thuật và các chỉ số tự nhiên được cơ quan tổ chức có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận để áp dụng trong hoạt động xây dựng. Tiêu chuẩn xây dựng gồm tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng và tiêu chuẩn khuyến khích áp dụng.

Vì vậy, đối với công tác tiêu chuẩn cần chú trọng 3 mặt sau đây:

- Nội dung của các tiêu chuẩn chính là các nội dung không được phép có trong quy chuẩn như đã nêu trên như: quản lý, đầu tư, thiết kế, thi công, nghiệm thu, tính toán, kinh tế.... với các phương pháp, quy

trình, mô hình, định mức hướng dẫn thực hiện.

- Phương thức xây dựng theo Luật Quy chuẩn và Tiêu chuẩn kỹ thuật quy định cụ thể là dưới 2 hình thức: Tiêu chuẩn quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ cùng các Bộ, ngành tổ chức lập theo nghị định về hướng dẫn chi tiết thi hành luật quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn cơ sở do các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp chủ động tổ chức lập và công bố cho sản phẩm của mình.

- Tiến hành rà soát các văn bản pháp quy kỹ thuật, các tiêu chuẩn và các quy trình đánh giá phù hợp tuân thủ pháp luật Việt Nam, đồng thời đáp ứng các nguyên tắc của Hiệp định TBT.

Những tồn tại cần khắc phục của các quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng có liên quan đến chiếu sáng công cộng

1. Chậm cập nhật các yêu cầu chất lượng mới về chiếu sáng công cộng

Sau những năm đổi mới, nhu cầu phát triển ngày càng lớn, trong đó các yêu cầu về số lượng của xã hội đang chuyển lên thành những yêu cầu về chất lượng. Mặt khác, các yêu cầu nghiêm ngặt của hội nhập kinh tế quốc tế khi nước ta trở thành thành viên chính thức của WTO đòi hỏi nội dung của các quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến chiếu sáng công cộng cần cập nhật thêm các tiêu chí mới:

- Chiếu sáng an toàn: Nếu trước kia an toàn chỉ được hiểu an toàn điện thì giờ đây an toàn cần được hiểu rộng hơn ở khía cạnh an toàn môi trường chiếu sáng, an toàn sức khoẻ do màu sắc, độ rọi, cường

độ ánh sáng không mong muốn đem lại, an toàn năng lượng chiếu sáng, an toàn với các loại sóng bức xạ, từ trường... từ các thiết bị chiếu sáng theo nguyên lý mới.

- Chiếu sáng thuận tiện: Nếu trước kia chỉ cần chiếu đủ sáng là được thì giờ đây các tiêu chí góc chiếu sáng, tầm nhìn, thuận tiện, có lợi cho hiệu quả thị giác.

- Chiếu sáng thẩm mỹ: Chiếu sáng giờ đây trở thành một công cụ của thông tin, quảng cáo, thưởng thức nghệ thuật thông qua màu sắc, bố cục tĩnh và động. Ánh sáng giờ đây trở thành các gam màu, các lớp không gian, các nhân vật, các lớp kịch bản mang thông điệp của con người.

- Chiếu sáng như một ngành kinh tế: Quy mô chiếu sáng giờ đây không chỉ trong phòng, trên đường phố mà còn trên mặt nhà, trên mặt sông hồ, trên cầu, trên các điểm cao với quy mô diện tích nhiều ngàn m². Đây là một nguồn cầu rất lớn thu hút mạnh vốn đầu tư, nhân lực, lao động, vật tư, công nghệ, trang thiết bị.... Đó là tiền đề của một ngành công nghiệp lớn.

- Tiết kiệm năng lượng chiếu sáng: Chiếu sáng công trình và nhất là chiếu sáng công cộng với không gian lớn đi liền với tiêu hao điện năng rất lớn, đồng thời toả nhiệt gây hiệu ứng nhà kính. Vì vậy, tiết kiệm năng lượng mà cốt lõi là sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao giảm thiểu hiệu ứng nhà kính phá huỷ tầng ôzôn là một nội dung mang ý nghĩa thời đại, mang lại giá trị kinh tế, lợi ích môi trường và bảo vệ sức khoẻ.

Tuy nhiên, các nội dung trên chưa được cập nhật kịp thời trong phần lớn các quy

chuẩn và tiêu chuẩn liên quan đến chiếu sáng trong thời gian qua.

2. Chuẩn hoá các chỉ tiêu cơ bản trong nội dung các quy chuẩn có liên quan đến chiếu sáng và chiếu sáng công cộng.

Do nhiều nguyên nhân, việc quán triệt được đầy đủ các yêu cầu trên trong nội dung một số quy chuẩn, tiêu chuẩn, trong đó bao gồm cả các quy chuẩn có liên quan đến chiếu sáng cũng đã đi quá kỹ vào các chỉ tiêu cụ thể nhưng lại bỏ qua tính mục tiêu là hiệu suất cao và tiết kiệm năng lượng.

Các chỉ tiêu hiệu suất năng lượng, chất lượng chiếu sáng, định lượng về độ rọi, mật độ công suất chiếu sáng, chỉ số chói lóa, chỉ số chói lóa mất tiện nghi, độ đồng đều ánh sáng... chưa đồng nhất giữa các tiêu chuẩn. Các thiếu sót này cần được hiệu chỉnh, bổ sung trong các tiêu chuẩn sẽ được biên soạn sau này.

Một số nội dung cần điều chỉnh, bổ sung phù hợp với yêu cầu mới

1. Lĩnh vực quy chuẩn, tiêu chuẩn:

Các nguyên tắc chung, các tiêu chí cơ bản

- Định nghĩa lại các khái niệm về chiếu sáng công cộng theo quan điểm tiết kiệm năng lượng theo hướng tăng hiệu suất năng lượng trong chiếu sáng công cộng

- Đối với công trình giao thông đô thị:

+ Phân cấp chiếu sáng đường đô thị phù hợp để áp dụng trong thực tế.

+ Chú ý về các tiêu chí độ chói, chỉ số chói lóa

+ Quy định chỉ số tăng ngưỡng thị giác; đặc biệt là cần quy định giải pháp tăng hiệu suất năng lượng.

- Đối với công trình công cộng:

Hiện nay quy định về độ rọi trong các Tiêu chuẩn TCVN 7114: 2002, QCXDVN 09: 2005, QĐ BYT 3733/2002 cho các công trình công cộng, bệnh viện đều khác nhau, rất khó áp dụng. Cần quy định độ rọi thống nhất cho trong phòng, ngoài nhà của các loại hình công trình công cộng; Cần thống nhất các chỉ tiêu chất lượng ánh sáng, chỉ tiêu hiệu suất năng lượng.

2. Lĩnh vực không gian chiếu sáng:

- Nhóm quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến xác định các quy trình quy hoạch hệ thống chiếu sáng đô thị trong đồ án quy hoạch đô thị tương ứng với các giai đoạn quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị. Trong nhóm tiêu chuẩn này cần đặc biệt chú ý các chỉ tiêu và tiêu chí chiếu sáng công cộng làm cơ sở để xác định các chỉ tiêu cấp điện chiếu sáng, nhất là chiếu sáng công cộng đô thị trong bối cảnh số lượng các đô thị tăng nhanh.

- Nhóm quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến xác định các không gian giao thông công cộng cần chiếu sáng: Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh các tiêu chuẩn chiếu sáng ngõ xóm, ngõ phố, đường giao thông nông thôn, miền núi, vùng biển đảo.

- Nhóm quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến chiếu sáng các không gian công cộng: Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh các tiêu chuẩn chiếu sáng quảng trường, sân chơi, bờ sông; Tiêu chuẩn chiếu sáng trang trí bờ hồ, công viên....

- Nhóm quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến các không gian có vai trò làm điểm nhấn đô thị: Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh các tiêu chuẩn chiếu sáng trang trí mặt ngoài nhà cao tầng; Tiêu chuẩn chiếu sáng trang trí cột tháp, cầu.

- Nhóm quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan

đến các công trình công cộng hiện còn thiếu: Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh các tiêu chuẩn chiếu sáng trường học bệnh viện; tiêu chuẩn chiếu sáng bưu điện và các công trình thông tin liên lạc.

3. Lĩnh vực hiệu suất chiếu sáng:

- Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh nhóm quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến Hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng.

- Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh nhóm quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến Hệ thống thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao.

- Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh nhóm quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến Quy trình thao tác, vận hành, khai thác, bảo dưỡng Hệ thống thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao.

4. Lĩnh vực chất lượng chiếu sáng:

Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh các nguyên tắc mới về tiêu chuẩn chiếu sáng công cộng cần gắn liền với sự phát triển của các nguyên lý mới về chất lượng chiếu sáng.

Theo đó, tiêu chuẩn chất lượng chiếu sáng cần bao hàm các tiêu chí truyền thống về phân bố độ chói hài hoà; Giới hạn chói loá mức độ rọi đủ; Loại trừ phản xạ; Mô hình tốt; Màu ánh sáng đúng; Truyền màu thích hợp kết hợp với các tiêu chí mới về hiệu suất năng lượng; Thay đổi vị trí chiếu sáng; Sự tích hợp của ánh sáng tự nhiên; Chiếu sáng là yếu tố trang trí nội thất quản lý nhân sự....

- Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh nhóm quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến chất lượng, màu sắc ánh sáng.

- Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh nhóm quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến thiết kế trang thiết bị chiếu sáng: Tiêu chuẩn định mức hiệu suất năng lượng tối thiểu

(MEPS) cho các loại thiết bị chiếu sáng; Hình thức màu sắc cột đèn, chóa đèn.

- Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh nhóm quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến kỹ thuật lắp đặt, vận hành tương thích tạo chất lượng cao.

5. Lĩnh vực quy trình và hệ thống quản lý chất lượng chiếu sáng:

- Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh nhóm tiêu chuẩn quy trình chỉ định chấp nhận phòng thí nghiệm thiết bị chiếu sáng; nhóm tiêu chuẩn quy trình và tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng chiếu sáng: bổ sung tiêu chuẩn quy trình, tiêu chuẩn tiêu chí kiểm tra, đánh giá.

6. Lĩnh vực thiết kế mẫu, thiết kế điển hình về chiếu sáng công cộng:

- Nghiên cứu lập và công bố rộng rãi các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình chiếu sáng công cộng cho các loại đường đô thị thông dụng, các đường ngõ xóm, đường làng tại các điểm dân cư nông thôn.

- Nghiên cứu lập và công bố rộng rãi các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình chiếu sáng các tuyến phố thương mại, các quảng trường, công viên, chợ sân chơi, vườn hoa....

- Nghiên cứu lập và công bố rộng rãi các thiết kế mẫu, thiết kế điển hình chiếu sáng hiệu suất cao cho các loại phòng làm việc, phòng khám bệnh, phòng học, phòng ở theo phương pháp mô đun hoá. Giải pháp này có thể giảm nhẹ các tính toán lặp lại và giúp cho việc tính toán suất đầu tư chiếu sáng được thuận lợi và thống nhất.

Tóm lược tin: Minh Tâm

Nguồn: Hội nghị Chiếu sáng toàn quốc lần thứ III, tháng 11/2007

Sự cần thiết phải có sự điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống phát triển đô thị ở Việt Nam

I. Sự cần thiết điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống phát triển đô thị ở Việt Nam

1.1 Cơ hội và thách thức

Ở Việt Nam trong quá trình đô thị hoá mạnh hiện nay đang xuất hiện nhiều cơ hội và thách thức

- Nhà nước thực hiện chính sách đổi mới toàn diện về các mặt kinh tế - xã hội - chính trị theo cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế tạo cơ hội lớn để phát triển.

- Việt Nam đã gia nhập WTO và gần đây lại được trở thành thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc. Đây cũng là cơ hội lớn để Việt Nam có thể bắt tay hợp tác toàn diện với tất cả các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước tiên tiến trong khu vực Châu Á để học tập trao đổi kinh nghiệm và hợp tác đầu tư xây dựng...

- Việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế về xây dựng chiến lược phát triển đô thị là một điều cần thiết để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và thực hiện các định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị ở Việt Nam có hiệu quả.

1.2. Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và lâu hơn với việc hoạch định các chiến lược và chính sách mới là một việc làm cấp bách nhằm:

- Tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và cải tạo môi trường sống ở các vùng tỉnh và các đô thị trong cả nước trước mắt và lâu dài.

- Các nội dung định hướng đặt ra trước đây đã có nhiều thay đổi khác xa với các hoạch định nên cần phải điều chỉnh.

- Nhiều nhu cầu phát triển mới xuất hiện trong đầu tư xây dựng, đặc biệt là các dự án

nước ngoài có quy mô lớn hàng trăm, ngàn ha không chỉ ở các đô thị lớn mà ngay cả các đô thị nhỏ ở các địa phương là những nội dung mới cần được phân tích.

- Quy hoạch xây dựng các vùng tỉnh, liên tỉnh và vùng đô thị lớn Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đang đặt ra những yêu cầu mới có liên quan đến hoạch định các chính sách mới thích hợp trong hợp tác đầu tư đa ngành, đặc biệt là hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các đầu mối.

- Kế hoạch tài chính đô thị gắn liền với chỉ tiêu ngân sách quốc gia và địa phương cần được hoạch định trong định hướng phát triển đô thị hợp lý.

- Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chiến lược phát triển toàn quốc của các bộ ngành để có sự thống nhất hành động (vùng phát triển kinh tế - xã hội, 3 vùng kinh tế trọng điểm và các vùng sinh thái tự nhiên).

1.3. Học tập và tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế về định hướng tổ chức không gian phát triển đô thị

- Học tập kinh nghiệm quy hoạch phát triển các trục hành lang đô thị hoá của các nước Đức, Hàn Quốc...

- Kinh nghiệm quy hoạch tổ chức không gian đô thị hoá của Pháp ở các vùng lãnh thổ cấp quốc gia có quy mô lớn (vùng Paris, Lyon, Marseille,...)

- Áp dụng chiến lược phát triển bền vững của Thụy Sĩ theo:

- + Mô hình cân bằng đất đai, lãnh thổ
- + Phân cực phát triển
- + Kết nối mạng, tái thiết các đô thị vệ tinh
- + Đề xuất chiến lược toàn hệ thống
- + Chiến lược phát triển không gian đặc trưng cho các điểm dân cư đô thị – nông thôn.

- Tham khảo kinh nghiệm của Úc về trục hành lang kinh tế - Đô thị hoá Sydney - Canberra của các vùng bảo vệ - nhà nước, vùng trung tâm tập trung, vùng bảo tồn thiên nhiên...

II. Chiến lược phát triển đô thị ở Việt Nam (CDS)

2.1. Khái niệm mới về CDS

- CDS là một phương pháp mới trong quy hoạch phát triển đô thị chiến lược đã bắt đầu ứng dụng ở Việt Nam được các chuyên gia quốc tế giúp đỡ.

- CDS thể hiện rõ hành động khác nhau ở các thành phố khác nhau về mức độ, phạm vi và trọng tâm. Nó thể hiện các thách thức và mục tiêu phát triển của mỗi thành phố và có khác nhau cả về nội dung từ chiến lược đến hành động.

- Đặc tính chung là xây dựng được định hướng chiến lược và kế hoạch hành động bao gồm các mục tiêu tăng trưởng, phát triển và giảm đói nghèo qua nhiều giai đoạn với sự tham vấn tích cực của cộng đồng.

- Cách tiếp cận mới này của CDS đang làm thay đổi về quan điểm, phương pháp công tác ở nhiều khía cạnh trong quy hoạch hiện tại. Nó phù hợp với quy chế dân chủ cơ sở theo chính sách của Nhà nước.

- Hiện nay phương pháp CDS chỉ mới bắt đầu thực hiện ở 7 thành phố mang tính đổi mới thí điểm về mặt quản lý đô thị và chưa được thể chế hoá về mặt nhà nước.

2.2. Quá trình của CDS theo các bước:

- Thiết kế quá trình CDS là xây dựng khung chung và các bước của CDS bao gồm công tác tham vấn của các bên có liên quan.

- Đánh giá hiện trạng - xác định điểm mạnh và cơ hội cơ bản và các thông tin cần thiết.

- Quá trình tham vấn và sự tham gia là để thu nhập ý kiến các bên có liên quan với nhu cầu của thành phố.

- Viễn cảnh, mục tiêu: là xây dựng viễn cảnh rõ ràng có thể chia sẻ được và thống nhất mục tiêu và hành động ưu tiên.

- Kế hoạch hành động thực hiện.

Chuyển viễn cảnh, mục tiêu, mục đích

thành các dự án có thể thực hiện được.

- Thể chế hoá.

Đưa CDS thành công cụ quản lý điều hành thành phố vào hệ thống kế hoạch và ngân sách.

- Toàn bộ quá trình trên phải được giám sát và đánh giá, phân tích thảo luận về quá trình và kết quả đạt được.

2.3. Lợi ích áp dụng CDS ở các thành phố Việt Nam

- Hiện nay ở Việt Nam có 3 loại quy hoạch cùng tồn tại theo pháp luật đó là quy hoạch kinh tế xã hội, quy hoạch xây dựng (tổng thể) và quy hoạch ngành do các bộ ngành phụ trách.

- Tiếp cận CDS sẽ có thể giải quyết được 3 vấn đề hiện nay:

+ Nhất quán được các loại quy hoạch kinh tế xã hội, quy hoạch xây dựng và quy hoạch ngành.

+ Thống nhất quy hoạch khi không thực hiện được.

+ Các bên liên quan sẽ hiểu và không coi các quy hoạch đó là của mình.

- CDS giúp hoàn thiện năng lực phát triển chiến lược của thành phố và vùng.

+ Liên kết quy hoạch đất đai, hạ tầng cơ sở với phát triển kinh tế - xã hội

+ Cung cấp kế hoạch và môi trường đầu tư có tính chiến lược và thực tế trong việc phối hợp tốt hơn giữa các cấp chính quyền khác nhau trên lãnh thổ.

+ Tăng cường quản lý nhà nước ở các địa phương.

Công tác quy hoạch vùng và đô thị ở Việt Nam đang phát triển mạnh theo nhiều quan điểm và phương pháp khác nhau do nhiều nguồn tri thức từ nước ngoài và trong nước về quy hoạch rất đa dạng.

Cơ chế bao cấp kéo dài với tư tưởng thiết kế quy hoạch từ trên xuống hiện nay không còn phù hợp, nó đòi hỏi cần phải mạnh dạn đổi mới và cần được thể chế hoá.

Tóm lược tin: Minh Tâm

Nguồn: Hội thảo "Diễn đàn Đô thị" tháng 11/2007

Ảnh hưởng của giá đất đối với giá nhà đất Trung Quốc

Tháng 4/2007, Trung tâm nghiên cứu môi trường và phát triển đô thị Viện khoa học xã hội Trung Quốc phát hành “Sổ tay quản lý nhà đất 2007” nhằm báo cáo giới thiệu đồng thời tổng kết xu thế phát triển của thị trường nhà đất năm 2007: tăng cường thực hiện chính sách điều chỉnh, cải thiện cơ cấu cung ứng nhà ở, giải quyết vấn đề nhà ở cho cư dân, đẩy mạnh phát triển nhà ở thông minh, biên độ tăng giá dự tính dưới 5%. Những tiết lộ này đã khiến không ít người chờ giá nhà giảm khá thất vọng. Lúc này một số người đổ lỗi do giá đất tăng kéo giá nhà tăng theo.

Rốt cuộc giá đất có phải là động cơ lớn nhất khiến giá nhà tăng trưởng, tác giả cho rằng cần phải xem xét kỹ vấn đề này, nguyên nhân khiến giá nhà dao động rất đa dạng, mặc dù giữa giá đất và giá nhà có mối quan hệ mật thiết, nhưng nguyên nhân cuối cùng dẫn đến giá nhà tăng trưởng phần lớn là do sự thay đổi trong quan hệ cung cầu của thị trường.

Yếu tố cấu thành giá nhà đất

I- Giá thành đầu tư đất

Giá thành đầu tư đất bao gồm:

1.1- Chi phí phá dỡ và chưng dụng đất, như chi phí bồi thường cho người sở hữu đất đai khi đầu tư khu đất mới, chi phí bồi thường cây xanh, phí bồi thường vật ngoài đất, phí bồi thường đất, chi phí di dời mộ và ao hồ, chi phí bồi thường phá dỡ và di dời khu vực nuôi trồng thực vật,... Chi phí đầu tư khu đô thị cũ bao gồm chi phí sắp xếp chỗ ở tạm thời cho các hộ dân cư, phí trợ

cấp cho các hộ tự sắp xếp chỗ ở, chi phí thu mua nhà tư,...

1.2- Chi phí đặt mua đất, tức là chi phí phát sinh trong quá trình giao dịch giữa hai bên.

1.3- Quỹ bán đất, tức là khoản tiền nhà nước thu mua. Bao gồm Cục tài nguyên môi trường thành phố thu mua và nhà nước thu mua.

1.4- Chi phí xây dựng, chủ yếu các khoản chi phí xây dựng công trình trong khu đầu tư, bao gồm chi phí xây dựng hệ thống cấp nước, cấp điện, thoát nước, xử lý rác thải, môi trường, thông tin và đường sá trong khu đầu tư, những chi phí này sau khi tính toán giá thành, dựa theo diện tích đất được lãi phân chia sang giá thành đầu tư đất. Theo mục giá của đơn vị đầu tư thì tổng giá thành bao gồm mấy loại sau: san bằng đất, thăm dò thiết kế, hệ thống thiết bị, xây dựng công trình, chi phí quản lý, lợi tức.

1.5- Thuế chiếm dụng đất canh tác.

1.6- Chi phí khai khẩn đất canh tác.

1.7- Chi phí quản lý địa chính, tức là các khoản chi phí tổ chức và quản lý công trình. Trong đó bao gồm lương nhân viên quản lý, lương trợ cấp cho công nhân sản xuất, phụ cấp ngoài lương, công tác phí, chi phí tập huấn, chi phí sử dụng tài sản cố định, chi phí kiểm nghiệm thí nghiệm, chi phí bảo vệ và vệ sinh môi trường,...

1.8- Chi phí phụ cấp chiếm dụng đất canh tác

1.9- Thuế hợp đồng.

II- Chi phí xây dựng và lắp đặt công trình

Chi phí xây dựng và lắp đặt công trình tức là chi phí thi công toàn bộ công trình xây dựng, cấu trúc công trình và đặt mua thiết bị. Trong đó chủ yếu bao gồm:

2.1- Lương công nhân: lương cơ bản cho đội ngũ công nhân trực tiếp tham gia thi công công trình và công nhân phụ phục vụ thi công công trình.

2.2- Chi phí vật liệu: là giá thành các vật liệu và linh kiện sử dụng để xây dựng công trình, vật liệu khác cùng với chi phí phân chia chuyển giao vật liệu.

2.3- Chi phí sử dụng máy móc: là chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng thiết bị máy móc. Bao gồm chi phí khấu hao, chi phí tu sửa, chi phí nhiên liệu sử dụng,...

2.4- Chi phí quản lý thi công: chỉ các khoản chi phí chi cho tổ chức và quản lý công trình thi công để phục vụ công trình. Trong đó chủ yếu bao gồm: lương nhân viên công tác, phụ cấp ngoài lương, công tác phí, chi phí kiểm nghiệm thí nghiệm,...

2.5- Chi phí đặt mua và lắp đặt thiết bị: bao gồm chi phí đặt mua và lắp đặt các loại thiết bị như thiết bị cấp điện, lắp đặt đường dây, thang máy. Chi phí xây dựng và phục vụ công cộng trong khu vực: tức các khoản chi phí sử dụng để xây dựng trường học, phòng tập thể dục, bệnh viện, đồn công an, phòng vệ sinh môi trường, phòng quản lý khu vực (phòng bảo vệ), cửa hàng, bãi đỗ xe (bãi rửa xe) và các hệ thống phục vụ khác. Chi phí xây dựng hệ thống công trình công cộng trong khu vực (chi phí thi công công trình), trong đó chủ yếu bao gồm chi phí xây dựng và lắp đặt: đường phố, bãi đỗ xe, tường vây, đường ống thoát nước,

đường ống nước thải, đường ống cấp nước, hệ thống giám sát; Đường dây cấp điện, đèn đường, đường dây vô tuyến, đường dây liên lạc, đường ống cấp nhiệt và trạm đổi nhiệt, vườn hoa, cây xanh,...

Các khoản chi phí: chi phí công trình cơ bản (chi phí chủ thể công trình cơ bản), chi phí hệ thống cơ bản đi kèm, chi phí dự bị, chi phí quản lý kinh doanh, tiêu thụ, chi phí quảng cáo, các loại thuế,...

III. Mối quan hệ giữa giá đất và giá nhà

Giá đất chỉ là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến giá nhà đất. Trên thực tế, cùng với sự phát triển của ngành Xây dựng Trung Quốc và sự điều chỉnh vĩ mô của nhà nước Trung Quốc đối với ngành thuế quan thì sự cạnh tranh diễn ra trên thị trường xây dựng đã vô cùng căng thẳng, giá thành xây dựng giảm rõ rệt, như thuế thiết bị, vật liệu nhập khẩu giảm từ 30% xuống còn 10%. Nhưng hiện nay nhu cầu mua nhà trong nước ngày càng tăng, nguồn tài nguyên đất có hạn bị lạm dụng nghiêm trọng thậm chí gây ra tình trạng lãng phí khiến Nhà nước liên tục cho ra đời nhiều biện pháp, chính sách điều chỉnh vĩ mô. Như “Thông báo của Quốc vụ viện về vấn đề tăng cường công tác điều chỉnh đất” đã chỉ rõ: hiện nay công tác quản lý đất, đặc biệt là công tác điều chỉnh đất xuất hiện một số vấn đề và động thái mới, tổng số đất sử dụng tăng quá nhanh, quá lạm dụng đất công nghiệp giá thành thấp, đất vi phạm và tình trạng lạm dụng đất canh tác liên tục gia tăng, nhiệm vụ “đóng cổng” đất vô cùng khó khăn. Yêu cầu Chính phủ, nhân dân cùng ban ngành các cấp tiếp tục làm rõ trách nhiệm quản lý đất và bảo vệ đất canh tác, đảm bảo chắc chắn cuộc sống cho nông

dân bị trưng thu đất, quy phạm công tác quản lý thu chi chuyển nhượng đất, điều chỉnh chính sách thuế đất xây dựng có liên quan, thiết lập cơ chế thống nhất công bố tiêu chuẩn giá thấp nhất để chuyển nhượng đất công nghiệp, nghiêm cấm việc tự ý chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất xây dựng, tăng cường công tác quản lý đất, đồng thời nghiêm khắc xử lý các hành vi vi phạm Luật Đất đai. Về mặt khách quan chính một loạt biện pháp điều chỉnh của chính quyền địa phương khiến giá đất tăng trưởng.

Giá thành xây dựng đang giảm, giá đất lại đang tăng lên, giữa hai yếu tố này có sự xung đột. Nhưng vì sao giá nhà vẫn liên tục tăng trưởng, như vậy có thể thấy có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tăng giá nhà đất. Như việc thiếu kinh nghiệm điều chỉnh kinh tế thị trường khiến thị trường nhà đất tồn tại hiện tượng lũng đoạn; Cơ chế nhà ở đảm bảo còn nhiều thiếu sót, chưa kiện toàn, công bằng xã hội chưa được thực hiện; Số liệu thống kê và cách nhìn nhận vấn đề thiếu chính xác gây ra sự mất cân đối về mặt thông tin giữa nhà đầu tư và người mua. Những yếu tố này khiến giá nhà đất vẫn còn tồn tại “hạt sạn”, những “hạt sạn” này cũng có khả năng tồn tại trong khâu kiểm nguồn lãi kénch xù.

IV. Kiến nghị và đối sách

Nhìn từ hiện trạng giá đất và giá nhà đất có thể thấy không thể chỉ dựa vào biện pháp hành chính để khống chế mà phải lợi

dụng thị trường, điều chỉnh hợp lý giá nhà đất, thực hiện một cách triệt để.

Thứ tiên: Cần thông qua thị trường và chính sách điều chỉnh để phá bỏ cục diện lũng đoạn trong thị trường nhà đất, tăng cường cơ chế cạnh tranh, loại bỏ “hạt sạn” còn tồn tại trong khâu đầu tư của các nhà đầu tư.

Thứ hai: Ban quản lý các cấp cần hoàn thiện hơn nữa chế độ bảo đảm xã hội, khống chế chặt chẽ giá cả, cung ứng đất cho nhà ở loại vừa và nhỏ, nhà ở và cho thuê giá rẻ theo đúng tỉ lệ quy định. Đẩy nhanh công tác xây dựng nhà cho thuê giá rẻ và nhà ở hạn chế giá, thực hiện công bằng xã hội.

Thứ ba: Thông qua phương thức công bằng, công khai, thẩm định chặt chẽ việc chuyển nhượng đất, đảm bảo sử dụng hợp lý tài nguyên đất, đồng thời thống nhất phương thức và biện pháp thống kê để đảm bảo thông tin về giá nhà đất tại các khu vực được rõ ràng và chính xác.

Cuối cùng: Thông qua biện pháp tuyên truyền thông tin nhằm rút ngắn ranh giới về tin tức giữa bên bán và bên mua, một mặt nâng cao nhận thức cho người dân khi mua nhà, mặt khác nhằm khuyến cáo nhà đầu tư cần chi tiết hơn trong công tác xây dựng.

ND: Hoàng Đại Hải

Nguồn: Báo Xây dựng Đô thị và Nông thôn Trung Quốc, số 10-2007

Một số vấn đề cần chú ý khi quy hoạch giao thông khu nhà ở của Trung Quốc

I- Những nguyên tắc khi quy hoạch giao thông tại khu nhà ở cần tuân thủ

1.1- Căn cứ điều kiện môi trường như địa hình, khí hậu, quy mô, phạm vi sử dụng đất, hệ thống giao thông đô thị và phương tiện đi lại của người dân mà cần lựa chọn hệ thống đường phố kinh tế, tiện lợi và hình thức mặt cắt ngang đường đô thị.

1.2- Trong tiểu khu tránh các phương tiện đi vòng qua, đường phố luôn luôn thông suốt, tránh đi lại lòng vòng, đồng thời đảm bảo các phương tiện như xe cứu hỏa, xe cứu thương, xe vận chuyển hàng hóa và xe rác có thể lưu hành.

1.3- Thuận tiện trong việc phân chia các khoảng đất sử dụng và bố trí đa dạng các công trình kiến trúc trong khu nhà ở.

1.4- Khi đường giao thông công cộng chạy ngang qua khu nhà ở cần giảm thiểu tiếng ồn giao thông quá nhiều đời sống cư dân.

1.5- Tại khu vực có cường độ chấn động trên 6 độ rich-te cần cân nhắc đến yêu cầu phòng nạn cứu nạn.

1.6- Trong khu nhà ở cần đảm bảo yêu cầu về thông gió, chiếu sáng và cần lắp đặt đường ống ngầm.

1.7- Hệ thống giao thông trong khu vực đô thị cũ cải tạo cần cân nhắc đặc điểm giao thông vốn có, gìn giữ và phát huy các con đường có giá trị văn hóa lịch sử.

1.8- Tiện lợi cho các loại xe cơ giới lưu thông, đồng thời đảm bảo an toàn tiện lợi cho phương tiện thô sơ và người đi bộ.

1.9- Hệ thống đường phố khu nhà ở có

thể chia thành: đường phố khu dân cư, đường phố tiểu khu, đường phố nội bộ và đường phố cấp 4 khu nhà ở. Đường phố của khu dân cư: chiều rộng đường không được nhỏ hơn 20m; Đường phố tiểu khu: chiều rộng đường 6~9m, khoảng cách giữa các điểm khống chế xây dựng yêu cầu lắp đặt đường ống cấp nhiệt không dưới 14m, đường ống không cấp nhiệt không dưới 10m; Đường phố nội bộ: chiều rộng mặt đường từ 3~5m, khoảng cách giữa các điểm khống chế xây dựng yêu cầu lắp đặt đường ống cấp nhiệt không dưới 10m, đường ống không cấp nhiệt không dưới 8m; Đường nhỏ trong khu nhà ở: chiều rộng đường không dưới 2.5m.

1.10- Tuyến phố chính trong tiểu khu phải có ít nhất 2 lối ra vào; Tuyến phố chính trong khu nhà ở phải là đường hai chiều và nối với trục đường chính. Khoảng cách giữa hai đầu lối ra vào dành cho ô tô không dưới 150m. Khi chiều dài các công trình kiến trúc ở hai ven đường vượt quá 150m thì cần thiết kế làn đường 4 x 4 m dành cho xe cứu hỏa. Khoảng cách giữa hai lối ra không được vượt quá 80m, khi công trình kiến trúc vượt quá 80m thì dưới tầng hầm cần thiết kế thêm lối đi dành cho người đi bộ.

1.11- Góc giao nhau giữa đường phố khu nhà ở và trục đường chính không nhỏ hơn 75°. Nếu độ dốc của các tuyến đường trong khu nhà ở tương đối lớn thì cần thiết kế gờ giảm tốc tại các điểm giao nhau với trục đường chính.

II- Thiết kế mạng lưới giao thông

Mạng lưới giao thông khu nhà ở được xem là huyết mạch của khu, là điểm mấu chốt trong công tác quy hoạch thiết kế khu nhà ở. Vấn đề thiết kế mạng lưới giao thông có liên quan đến chất lượng sinh hoạt của cư dân. Khu nhà ở khác nhau thì môi trường khác nhau, điều kiện quy mô cũng khác nhau cho nên không thể và cũng không nhất thiết phải dựa theo một mô hình thiết kế nhất định nào. Thực tiễn cho thấy các khu nhà ở không thiết kế mạng lưới giao thông thích hợp với khu vực mình mà chỉ áp dụng một loại mô hình nhất định gây phản tác dụng, mạng lưới giao thông được tổ chức vừa không kinh tế lại vừa không hợp lý.

Thực tế có không ít khu nhà ở áp dụng tổ chức giao thông hợp lưu, vì suy cho cùng lưu lượng xe lưu thông trong khu nhà ở có hạn, khác với các trục đường chính, hơn nữa tốc độ xe ô tô lưu thông trong hệ thống giao thông khu nhà ở được hạn chế chặt chẽ, cấm chạy nhanh vượt ẩu. Do đó, tổ chức giao thông hợp lưu được khá nhiều các khu nhà ở trong và ngoài nước lựa chọn.

Việc tổ chức hệ thống giao thông trong khu nhà ở cần được cân nhắc, có thể là phân làn đường hay cũng có thể hợp lưu. Mạng lưới giao thông thích hợp thực hiện hợp lưu, nhưng phải thực hiện phân làn phương tiện giao thông. Tức là các phương tiện giao thông lưu thông trên cùng một tuyến đường, nhưng trong tiến trình lưu

thông các phương tiện phải chạy đúng làn đường của mình.

Phân làn phương tiện giao thông đặt ra một số yêu cầu nhất định đối với công tác thiết kế mặt cắt đường, thiết kế mặt bằng cần bố trí làn đường dành cho người đi bộ. Khi thiết kế tốt nhất tổ chức thiết kế cách biệt giữa làn đường dành cho người và làn đường dành cho xe cơ giới; Bố trí không gian thích hợp, như trồng các dải cây ngăn cách,... Với môi trường giao thông như vậy thì người lái xe cũng như người đi bộ đều có cảm giác thoải mái và an toàn.

Bất kỳ phương thức tổ chức giao thông nào đi nữa thì cũng cần phân làn đường cho người và xe, kết cấu mạng lưới giao thông phải hợp lý, mật độ giao thông vừa phải. Tác giả cho rằng đường không nên rộng quá, nếu đường quá rộng sẽ khiến người điều khiển phương tiện chủ quan mà phóng nhanh gây mất an toàn. Thông thường, đường chính trong tiểu khu thích hợp thiết kế hai làn đường. Chiều rộng đường nên thiết kế hẹp một chút, như vậy vừa hạn chế diện tích đất sử dụng, giảm chi phí đầu tư, đồng thời vừa đáp ứng nhu cầu giao thông, đảm bảo an toàn giao thông.

ND: Hoàng Đại Hải

Nguồn: Báo Xây dựng Đô thị và Nông thôn Trung Quốc, số 10-2007

Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Giá xi măng của Trung Quốc tăng do giảm sản lượng

Giá xi măng ở một số tỉnh của Trung Quốc tăng do việc đóng cửa các nhà máy hoạt động không hiệu quả dẫn tới sản lượng giảm vì chưa kịp vận hành các nhà máy mới gây nên tình trạng thiếu xi măng.

Trong tuần qua, giá bán lẻ xi măng poóc-lăng mác 32.5 ở tỉnh duyên hải Hải Nam miền Nam Trung Quốc chững lại ở mức 500 - 580 NDT/tấn (67,86 - 78,71 USD) sau hơn 3 tháng dao động mạnh về giá cả. Mặc dù giá đã giảm từ mức đỉnh điểm 700 NDT/tấn trong tháng 8/2007 song nó vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm trước từ 270 - 280 NDT/tấn. Các cơ quan chức năng của tỉnh đã áp dụng mức giá trần khẩn cấp vào cuối tháng 11, đặt ra mức giá xuất xưởng tối đa là 380 NDT/tấn. Đầu tháng 12/2007, 200.000 tấn xi măng rời của Quảng Tây đã được chuyển đến Hải Nam song một số dự án của tỉnh này vẫn bị gác lại do giá xi măng quá cao.

Tình hình của tỉnh Hải Nam không phải là trường hợp cá biệt. Các số liệu thống kê cho thấy Khu tự trị Tân Cương ở phía bắc và các tỉnh Vân Nam, Tứ Xuyên, Quảng Đông ở miền Nam Trung Quốc cũng đang trong tình trạng tương tự.

Ông Zeng Xuemin, Phó chủ tịch Hội Công nghiệp Xi măng Trung Quốc cho biết, giá xi măng tăng cao sẽ chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn. Nguyên nhân chính của tình trạng thiếu xi măng là do các dây chuyền sản xuất lỗi thời bị loại bỏ trong khi việc xây dựng các dây chuyền mới chưa được hoàn tất. Theo Kế hoạch Phát triển 5 năm lần thứ 11 (2006 - 2010), các dây chuyền xi măng lạc hậu với sản lượng 250 tỷ tấn sẽ từng bước bị huỷ bỏ trước năm

2010 và 20% trong tổng số đó đã bị đóng cửa trong năm 2007.

Các chuyên gia cho rằng, việc đóng cửa các nhà máy lạc hậu không khó. Tuy nhiên, các dây chuyền sản xuất mới chỉ có thể bắt đầu vận hành trong năm 2008 do bị ràng buộc bởi chính sách “nhà máy sản xuất mới phải xây sau và tương xứng với công suất bị loại bỏ”. Nói cách khác, các nhà máy cũ phải được đóng cửa trước khi các nhà máy mới được xây dựng hoặc vận hành. Do đó, sự thiếu hụt về xi măng chắc chắn xảy ra.

Ông Zeng cũng cảnh báo nên đề phòng cơn sốt đầu tư cho tăng giá, điều này có thể dẫn tới dư thừa cung ứng và xảy ra thêm nhiều biến động về giá xi măng. Theo ông Zeng, tình hình có thể sẽ tốt hơn nếu Trung Quốc thực hiện việc xây dựng các dây chuyền mới trước rồi loại bỏ dần các dây chuyền lỗi thời và sự đầu tư quá nóng có thể được kiềm chế nhờ việc cung ứng ổn định. Cuối cùng, giá xi măng là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí xây dựng và các ngành công nghiệp hạ nguồn.

<http://news.xinhuanet.com/english/>

Trung Quốc: Các ưu tiên hàng đầu trong phát triển nông thôn năm 2008

Trong Hội nghị thường niên về công tác phát triển nông thôn của Trung Quốc, Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Hội đồng Nhà nước đã kết luận, phát triển nông thôn vẫn là nhiệm vụ trọng tâm của chính phủ trong năm 2008. Hội nghị đã đưa ra các giải pháp chính cho việc phát triển nông thôn năm 2008 như sau:

- Trung Quốc sẽ chú trọng đến xây dựng

hạ tầng nông thôn, thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp một cách ổn định và tạo điều kiện gia tăng thu nhập cho nông dân.

- Chính phủ sẽ tiếp tục đưa ra các chính sách ưu đãi để củng cố ngành nông nghiệp và mang lại lợi ích cho người nông dân. Đầu tư cho ngành nông nghiệp và các vùng nông thôn sẽ được thúc đẩy nhờ “suất lợi nhuận lớn”.

- Đầu tư cho ngành nông nghiệp từ lợi tức ngân sách cũng như đầu tư tài sản cố định cho các vùng nông thôn sẽ tăng lên đáng kể so với năm trước.

- Các khoản trợ cấp trực tiếp cho nông dân và cho các khu vực sản xuất lương thực chính sẽ được tăng lên. Tăng đầu tư cho việc kiểm soát dịch bệnh từ vật nuôi.

- Chính phủ sẽ chú trọng đến xây dựng hạ tầng nông thôn nhằm cải tiến các dây chuyền sản xuất ở vùng nông thôn, bao gồm xây dựng các công trình thủy lợi và cải tạo các hồ chứa cũ.

- Chính phủ cũng sẽ tiếp tục đẩy mạnh các dịch vụ giáo dục và y tế ở các vùng nông thôn.

- Mở rộng đối tượng được nhận tiền trợ cấp sinh hoạt tối thiểu nhằm hỗ trợ người dân nông thôn. Các chương trình giảm đói nghèo sẽ nhận được thêm hỗ trợ của chính phủ.

- Chính phủ sẽ đầu tư nhiều hơn nhằm cải tạo các công trình hạ tầng nông thôn như các dự án lưới điện, cung cấp nước sạch và hệ thống giao thông công cộng.

- Nhà nước cam kết bảo vệ quyền sử dụng đất của người nông dân và đưa ra các quy định chặt chẽ hơn trong việc sung công đất.

- Nhà nước sẽ đổi mới các dịch vụ tài chính ở khu vực nông thôn.

<http://english.peopledaily.com.cn>

Nâng cấp kết cấu của các cột bằng khối xây sử dụng cốt thép composit

Tạp chí: Hỗn hợp cho Xây dựng, tháng 11 - 12/2007

Tác giả: Maria Antonietta Aiello (1), Francesco Micelli (2) và Luca Valente (3)

(1) Phó giáo sư, Khoa Cải tiến Kỹ thuật, Đại học Lecce, Italy. E-mail: antonietta.aiello@unile.it

(2) Phó giáo sư, Khoa Cải tiến Kỹ thuật, Đại học Lecce, Italy. E-mail: francesco.micelli@unile.it

(3) Nghiên cứu sinh, Khoa Cải tiến Kỹ thuật, Đại học Lecce, Italy. E-mail: luca.valente@unile.it

Tóm tắt: Các kỹ thuật sử dụng composite polyme cốt sợi (FRP) nhằm gia cường và bảo tồn các khối xây mang tính truyền thống ngày càng được sử dụng rộng rãi. Trong các thập kỷ trước, các tấm thép hoặc khung gỗ được dùng để bọc ngoài nhằm hạn chế sự dân nở theo phương ngang của các cột bằng khối xây dưới tải dọc trục. Trong những năm qua, các lớp vỏ gắn epoxi FRP cũng được dùng để tăng độ cứng và độ dẻo và cho các kết quả khả quan, xét về cả mặt ứng xử cơ học và hiệu quả chi phí. Trong tài liệu này, các tác giả đã tiến hành nghiên cứu ứng xử của các cột bằng khối xây bọc FRP dưới lực nén dọc trục. Tài liệu mô tả một nghiên cứu thử nghiệm mở rộng nhằm giới thiệu ứng xử cơ học của các cột bằng khối xây có tiết diện tròn được xây bằng các block đá vôi, được dùng rất nhiều trong các công trình lịch sử ở Italy và trên toàn Châu Âu. Nhóm tác giả đã lập ra các dự án xây dựng các loại cột khác nhau nhằm mô phỏng các tình huống thường xảy ra nhất trong các kết cấu bằng khối xây hiện nay. Các tấm FRP cacbon được sử dụng như một phương pháp gia cố bên ngoài và các phương án bọc cốt thép khác cũng được nghiên cứu. Các thử nghiệm bao gồm áp dụng một kỹ thuật gia cố mới bằng cách sử dụng các thanh FRP

chèn vào mặt cắt ngang của cột. Đây được coi là một giải pháp thay thế cho việc bọc vỏ truyền thống khi có yêu cầu phải tránh gia cố bên ngoài. Tài liệu này cũng nghiên cứu ứng xử về mặt kết cấu của các cột bằng khối xây bị phá huỷ dưới các mức tải trọng khác nhau và được gia cường bằng cách sử dụng cốt thép FRP. Các kết quả thử nghiệm đã chứng tỏ hiệu quả của việc bọc FRP cho các cột bằng khối xây, cũng như cho các cột bị hỏng nặng trước khi được gia cường. Phép tính toán tải trọng tới hạn đã được ứng dụng theo đề xuất của Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia Italy. Trong tài liệu này, các tác giả cũng phát triển một mô hình phân tích để tính toán các giá trị thử nghiệm dự tính.

<http://ascelibrary.aip.org>

Ứng xử mỏi và quá tải của các cấu kiện uốn composite thép - bê tông gia cường vật liệu CFRP mô đun cao

Tạp chí: Hỗn hợp cho Xây dựng, tháng 11 - 12/2007

Tác giả: M.Dawood (1), S. Rizkalla (2) và E. Sumner (3)

(1) *Nghiên cứu viên, Phòng thí nghiệm Thiết bị Xây dựng, Đại học Bắc Carolina, Mỹ*

(2) *Giáo sư chuyên ngành Xây dựng Dân dụng, Phòng thí nghiệm Thiết bị Xây dựng, Đại học Bắc Carolina, Mỹ*

(3) *Phó giáo sư, Phòng thí nghiệm Thiết bị Xây dựng, Đại học Bắc Carolina, Mỹ*

Tóm tắt: Do sự ăn mòn và nhu cầu không ngừng về tăng tải trọng lên mặt đường nên cần có một hệ thống sửa chữa hoặc gia cường các cây cầu và kết cấu bằng thép đạt hiệu quả cao. Tài liệu này mô tả một chương trình thử nghiệm vừa được hoàn thiện nhằm nghiên cứu ứng xử

ơ bản của các dầm cầu composite thép - bê tông được gia cường bằng các vật liệu polyme cốt sợi cacbon mô đun cao (HM CFRP). Ứng xử của các dầm dưới các điều kiện quá tải và tải trọng mỏi đã được nghiên cứu. Các kết quả thử nghiệm được so sánh với mô hình phân tích dựa trên các nguyên lý cơ bản của sự cân bằng và khả năng tương thích nhằm dự báo ứng xử của các dầm composite thép - bê tông đã gia cường. Dựa trên các phát hiện trong nghiên cứu này, một hướng dẫn thiết kế để sử dụng HM CFRP đã được đề xuất nhằm phục vụ việc gia cường các cấu kiện chịu uốn bằng thép trong các cây cầu và các kết cấu.

<http://ascelibrary.aip.org>

Phương pháp tin cậy để đánh giá các vật liệu dính kết khác nhau

Tạp chí Vật liệu trong Xây dựng Dân dụng, tháng 12/2007

Tác giả: Andrew G. Brooks (1), Anton K.schindler (2) và Robert W. Barnes (3)

(1) *Kỹ sư vật liệu, Công ty Dịch vụ Vật liệu APAC, Mỹ. E-mail: abrooks@ashland.com*

(2) *Phó giáo sư, Đại học Auburn, Mỹ. E-mail: antons@eng.auburn.edu*

(3) *Phó giáo sư, Đại học Auburn, Mỹ. E-mail: rbarnes@eng.auburn.edu*

Tóm tắt: Đây là một phương pháp giải thích tác động của nhiệt độ dưỡng hộ đối với sự phát triển cường độ của bê tông lèn và dưỡng hộ tốt. Tài liệu này mô tả độ chính xác của phương pháp dự báo cường độ khi sử dụng các hệ thống dính kết khác nhau. Các khối vữa được làm bằng xi măng loại I và các cấp phối khác nhau gồm tro bay loại C, tro bay loại F và xỉ hạt lò cao được dưỡng hộ tại nhiệt độ dưỡng hộ 8, 23

và 40°C. Do việc dưỡng hộ ở nhiệt độ cao hơn so với nhiệt độ trong phòng nên sự suy giảm độ bền dài hạn bị chi phối bởi chủng loại của chất dính kết dùng trong hỗn hợp bê tông. Dựa trên kết quả về cường độ của các khối vữa và các quy định trong ASTM C 1074, nhóm tác giả đã xác định được nhiệt độ quy chiếu và giá trị năng lượng hoạt hoá cho các hệ thống dính kết trên. Khả năng của phương pháp dự báo cường độ chịu tác động đáng kể bởi thành phần của vật liệu dính kết.

<http://ascelibrary.aip.org>

Tác động của nhiệt độ đối với ứng xử của vữa xi măng poóc-lăng trộn phụ gia hoá chất

Tạp chí Vật liệu trong Xây dựng Dân dụng, tháng 12/2007

Tác giả: Moncef Nehdi (1) và Samer Al Martini (2)

(1) Phó giáo sư, Khoa Xây dựng Dân dụng và Môi trường, Đại học Tây Ontario, Canada. E-mail: mnehdi@eng.uwo.ca

(2) Nghiên cứu sinh, Khoa Xây dựng Dân dụng và Môi trường, Đại học Tây Ontario, Canada. E-mail: salmarti@uwo.ca

Tóm tắt: Khi xây dựng các kết cấu bê tông cốt thép trong thời tiết nóng bức đòi

hỏi phải thực hiện khẩn trương công tác đổ bê tông tươi nhằm tránh các khó khăn như giảm sút tính thi công nhanh chóng, tăng tốc quá trình hydrat hoá xi măng, bốc hơi nước trộn vữa bê tông trong thời gian ngắn và tạo ra các khe nứt. Trong quá trình này, việc lựa chọn các phụ gia hoá chất thích hợp hết sức quan trọng. Tài liệu này nghiên cứu các đặc tính đàn nhót (viscoelastic) của vữa xi măng poóc-lăng với tỷ lệ nước-xi măng là 0,35 và 0,50 tại các điều kiện nhiệt độ khác nhau từ 20 - 45° C thông qua các thử nghiệm đo độ lưu biến sử dụng máy đo lưu biến tiên tiến được điều chỉnh bởi lực cắt-ứng suất/lực cắt-lực biến dạng. Tác động của các chất phụ gia giảm nước cũng như các chất phụ gia siêu giảm nước có gốc melanin, polycacboxylate và polycacboxylate thế hệ mới đối với các đặc tính lưu biến của vữa xi măng tại các điều kiện nhiệt độ khác nhau cũng được kiểm tra. Các kết quả nghiên cứu cho thấy, các đặc tính đàn nhót của vữa xi măng bị chi phối bởi chủng loại và hàm lượng phụ gia, do đó cần phải có sự am hiểu tốt về tác động của các loại phụ gia hoá chất nhằm hạn chế các khó khăn khi đổ bê tông tại nhiệt độ cao.

<http://ascelibrary.aip.org>
Xử lý tin: Nguyễn Hồng Trang

HỘI NGHỊ KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC NĂM 2007 VÀ BÀN BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2008 NGÀNH XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2008



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân trao tặng Cờ thi đua Chính phủ cho các đơn vị và các nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua



Các đồng chí Thứ trưởng Nguyễn Văn Liên, Trần Ngọc Chính trao tặng cờ thi đua của Bộ Xây dựng cho các đơn vị và cá nhân có thành tích xuất sắc



Toàn cảnh Hội nghị